

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH TẠI DOANH NGHIỆP

1.1 Các yếu tố cơ bản rủi ro tài chính trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính (RRTC) là rủi ro liên quan và có sự liên kết chặt chẽ đến dòng tiền, độ nhạy cảm và phản ứng của các nhân tố giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá cả nguyên vật liệu hàng hóa, giá cổ phiếu và những rủi ro do doanh nghiệp (DN) sử dụng đòn bẩy tài chính, sử dụng nguồn vốn vay để dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tác động đến thu nhập của doanh nghiệp hoặc làm chậm, mất khả năng thanh toán các khoản nợ vay đến hạn. “Rủi ro tài chính chỉ tính khả biến tăng thêm của thu nhập mỗi cổ phần và xác suất mất khả năng chi trả xảy ra khi một doanh nghiệp sử dụng các nguồn tài trợ có chi phí tài chính cố định, như nợ và cổ phần ưu đãi, trong cấu trúc vốn của mình”. Trích dẫn (Tài chính doanh nghiệp hiện đại, nhà xuất bản (NXB) Thống kê năm 2005 [149-150]). Quy trình này bắt đầu với việc lựa chọn ngành nghề, trong đó mỗi lĩnh vực sẽ chịu những rủi ro kinh doanh đặc thù nhưng đa phần những rủi ro trên luôn là những yếu tố quan trọng chủ chốt khi doanh nghiệp hoạt động, nếu không quản trị tốt các yếu tố trên sẽ dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng đến doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng phải quyết định mức độ đầu tư vào tài sản cố định, có thể là các tài sản có giá trị lớn, hiện đại hoặc tài sản có giá trị vừa phải.

Càng đầu tư nhiều vào tài sản cố định có chi phí cao, doanh nghiệp càng phải đối mặt với rủi ro hoạt động cao hơn. Ngoài ra, cách bố trí nguồn vốn và tỷ lệ vốn nợ so với tổng vốn cũng cho thấy mức độ rủi ro tài chính của doanh nghiệp. Theo quan điểm này, rủi ro tài chính được xem là tình huống khi công ty huy động nợ cho hoạt động kinh doanh, nhưng việc sử dụng nợ không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Quyết định đầu tư vào tài sản cố định cao thì điều này có thể nhận định rằng doanh nghiệp có nguy cơ đối mặt với rủi ro hoạt động.

1.1.2 Các dạng rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính được bao quát như sau:

Bảng 1-1: Phân loại rủi ro tài chính

STT	Phân loại	Các dạng rủi ro tài chính
1	Theo cách tiếp cận về quản lý tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro về thanh khoản: là rủi ro mà khi các khoản nợ của DN đến hạn mà DN không đủ khả năng để trả nợ. - Nhóm rủi ro thị trường: <ul style="list-style-type: none"> • Rủi ro tỷ giá: Xảy ra do sự biến động của tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đến các giao dịch mua bán ngoại tệ. • Rủi ro giảm giá bán hàng hóa: Khi giá bán giảm so với giá trị thực tế, doanh thu sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực. • Rủi ro lãi suất: Liên quan đến việc vay nợ, khi lãi suất tăng, chi phí tài chính của doanh nghiệp cũng sẽ gia tăng. • Rủi ro tăng chi phí: Xảy ra khi giá cả của các yếu tố đầu vào tăng lên, làm gia tăng chi phí và giảm lợi nhuận dự kiến • Rủi ro dòng tiền: Phát sinh từ việc quản lý dòng tiền vào ra không hợp lý hoặc sự không khớp không đồng đều giữa việc chuyển đổi tài sản và nhu cầu thanh toán nợ đến hạn. • Rủi ro đầu tư/thoái vốn: Đây là nguy cơ khi các quyết định đầu tư không mang lại kết quả như mong đợi, dẫn đến lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng. • Rủi ro huy động vốn: Xảy ra khi số vốn dự định huy động không đạt được mức dự kiến. • Rủi ro trốn nợ: Phát sinh khi các đối tác của doanh nghiệp không thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

2	Theo vi phạm	<ul style="list-style-type: none"> - Rủi ro hệ thống: Đây là loại rủi ro ảnh hưởng đến toàn bộ hoặc hầu hết các doanh nghiệp, bất kể tình trạng tài chính hay khả năng quản lý của từng doanh nghiệp. Rủi ro hệ thống không thể được giảm thiểu thông qua đa dạng hóa. Ví dụ, rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro biến động giá thuộc nhóm này. - Rủi ro phi hệ thống: Là các rủi ro chỉ ảnh hưởng đến một hoặc một số doanh nghiệp cụ thể. Những rủi ro này có thể giảm thiểu thông qua đa dạng hóa. Ví dụ, rủi ro đòn bẩy tài chính, rủi ro tín dụng thương mại và rủi ro đầu tư ngoài ngành. Doanh nghiệp có thể điều chỉnh cơ cấu vốn để giảm bớt gánh nặng lãi vay và tận dụng lợi thế thuế. Không có cơ cấu vốn thống nhất cho tất cả các doanh nghiệp, kể cả trong cùng một ngành, do ảnh hưởng của quy mô, đặc điểm, trình độ quản lý và khả năng tài chính của từng doanh nghiệp.
---	--------------	---

Nguồn: Tổng hợp từ giáo trình quản trị rủi ro tài chính trường Đại học kinh tế Quốc dân

1.1.3 Các ảnh hưởng và tác động rủi ro tài chính đến doanh nghiệp

Để có thể sáng lập và xây dựng một doanh nghiệp đi vào hoạt động kinh doanh thì tài chính là điều kiện tiên quyết cần phải có. Trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ có những rủi ro tiềm ẩn ở các thời điểm khác nhau. Rủi ro tài chính là một biến số có tác động lớn đến nhiều mặt của một doanh nghiệp và cuối cùng là tác động đến giá trị doanh nghiệp. Những tác động của RRTC được chia theo từng phần như sau:

- *Tác động của RRTC đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:*

Rủi ro tài chính sẽ tác động đến doanh thu và chi phí của doanh nghiệp từ đó sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận, nói cách khác là hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Tác động đến chi phí doanh nghiệp: khi doanh nghiệp có nội tại về tài chính được đánh giá thấp dẫn đến chi phí huy động vốn ở mức cao (chi phí vay vốn từ ngân hàng sẽ cao hơn và các nhà đầu tư đòi hỏi lợi suất cao hơn cho đồng vốn mình bỏ vào doanh nghiệp). Chi phí hoạt động kinh doanh tăng lên do các biến cố từ rủi ro về lãi suất vay tăng cao

khiến cho chi phí sử dụng vốn vay tăng cao hơn, tỷ giá biến động làm cho giá các nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu gia tăng cao từ đó làm gia tăng chi phí của doanh nghiệp nên dẫn đến chi phí cho một sản phẩm – dịch vụ của doanh nghiệp cũng sẽ tăng cao.

– Tác động đến doanh thu doanh nghiệp: với quy mô thị trường cạnh tranh khốc liệt giữa các ngành rủi ro về chi phí sẽ ảnh hưởng không hề nhỏ đến doanh thu. Xét về mức độ cạnh tranh: khi mà chi phí tăng lên thì buộc giá bán cũng phải tăng lên nhưng liệu khách hàng có chấp nhận bỏ ra số tiền nhiều hơn để tiêu thụ sản phẩm - dịch vụ của doanh nghiệp hay không, và doanh nghiệp cũng sẽ dè chừng về sản lượng và tác động từ thị phần trong ngành, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp về giá nên doanh thu trong trường hợp về rủi ro về chi phí sẽ có phần sụt giảm cho doanh thu.

- *Ảnh hưởng của RRTC đến dòng tiền và tình trạng thanh khoản của DN*

Dòng tiền thể hiện sự di chuyển của tiền vào và ra khỏi doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định, liên quan đến các hoạt động kinh doanh. Từ góc độ của chủ sở hữu, dòng tiền thuần của cổ đông (FCFE) là số tiền thuộc quyền sở hữu của các cổ đông trong kỳ, sau khi đã trừ đi chi phí đầu tư vào tài sản và các khoản nợ gốc. Việc phân tích dòng tiền thuần của cổ đông giúp nhận diện rõ hơn tình hình thực tế của dòng tiền trong doanh nghiệp.

ⁱⁱDòng tiền thuần của cổ đông chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, bao gồm lợi nhuận sau thuế, khấu hao, nhu cầu đầu tư vào tài sản cố định, nhu cầu tăng thêm về vốn lưu động, các khoản vay mới và số tiền gốc vay cần thanh toán trong năm. Khi xảy ra rủi ro tài chính, điều này có thể làm giảm lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp, làm tăng chi phí lãi vay, và yêu cầu thanh toán nợ gốc các khoản vay cũ cũng tăng lên, nhất là trong bối cảnh khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay mới. Điều này sẽ tác động trực tiếp đến dòng tiền của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp gặp phải tình trạng mất cân đối dòng tiền, khả năng thanh toán trong ngắn hạn có thể bị ảnh hưởng, đặc biệt khi nợ phải trả ngắn hạn gia tăng và nguồn tài trợ cho đầu tư vào tài sản cố định theo kế hoạch chưa đủ.

- *Tác động RRTC đến thị phần cạnh tranh của doanh nghiệp*

Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp chủ yếu được thể hiện qua việc chiếm lĩnh thị phần và tạo ra lợi nhuận. Đối với mỗi công ty, khả năng cạnh tranh phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có một số yếu tố quan trọng như: đầu tư vào việc hiện đại hóa trang thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh và chiến lược

phát triển của doanh nghiệp. Để duy trì và nâng cao khả năng cạnh tranh, các doanh nghiệp cần khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có. Rủi ro tài chính có thể ảnh hưởng đến dòng tiền và sự biến động chi phí, từ đó tác động đến khả năng triển khai các hoạt động của doanh nghiệp và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của họ.

- *Tác động RRTC đến tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp*

Trước áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, các doanh nghiệp buộc phải liên tục đầu tư vào đổi mới và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Họ có thể tận dụng cả nguồn lực nội sinh và ngoại sinh để đạt được mức tăng trưởng mong muốn. Tuy nhiên, khi rủi ro tài chính xuất hiện, nó sẽ tác động trực tiếp đến lợi nhuận sau thuế, ảnh hưởng đến quy mô nguồn lực nội sinh của doanh nghiệp. Hơn nữa, khả năng tiếp cận vốn ngoại sinh trở nên khó khăn và chi phí cao, dẫn đến việc huy động nguồn vốn này cũng bị ảnh hưởng. Do đó, tốc độ tăng trưởng của doanh nghiệp sẽ bị tác động khi xảy ra rủi ro tài chính.

1.2 Quản trị rủi ro tài chính trong doanh nghiệp

1.2.1 Khái niệm và tầm quan trọng của quản trị rủi ro tài chính trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Khái niệm quản trị rủi ro tài chính

- *Khái niệm về quản trị rủi ro*

Thuật ngữ "Quản trị rủi ro" (QTRR) bắt đầu được hình thành từ sau Chiến tranh thế giới thứ II. Thật vậy, từ giai đoạn này đến giữa những năm 1960, thời kỳ chứng kiến sự đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong khoa học kỹ thuật, đã xuất hiện nhiều loại rủi ro mới, đồng thời những rủi ro cũ cũng gia tăng. Chính vì vậy, chức năng quản trị rủi ro trong doanh nghiệp dần dần được thiết lập. Trước đó, bảo hiểm là phương pháp duy nhất được áp dụng để bảo vệ trước các rủi ro truyền thống như cháy, nổ, bão, và vận chuyển hàng hóa.

Ngày nay, có nhiều khái niệm về quản trị rủi ro, nhưng chủ yếu được hiểu theo hai hướng. Theo quan điểm truyền thống, quản trị rủi ro tập trung vào "quản lý tổn thất", tức là xử lý các rủi ro có thể bảo hiểm. Ngược lại, theo quan điểm hiện đại, quản trị rủi ro không chỉ là "quản lý hiểm họa" mà còn hướng tới "kích thích và nắm bắt cơ hội", với mục tiêu giảm thiểu tổn thất đồng thời khai thác các cơ hội tiềm năng.

Quản trị rủi ro được coi là một quá trình tiếp cận rủi ro một cách khoa học, toàn diện và có hệ thống, nhằm nhận diện, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất cũng như tác động tiêu cực của rủi ro.

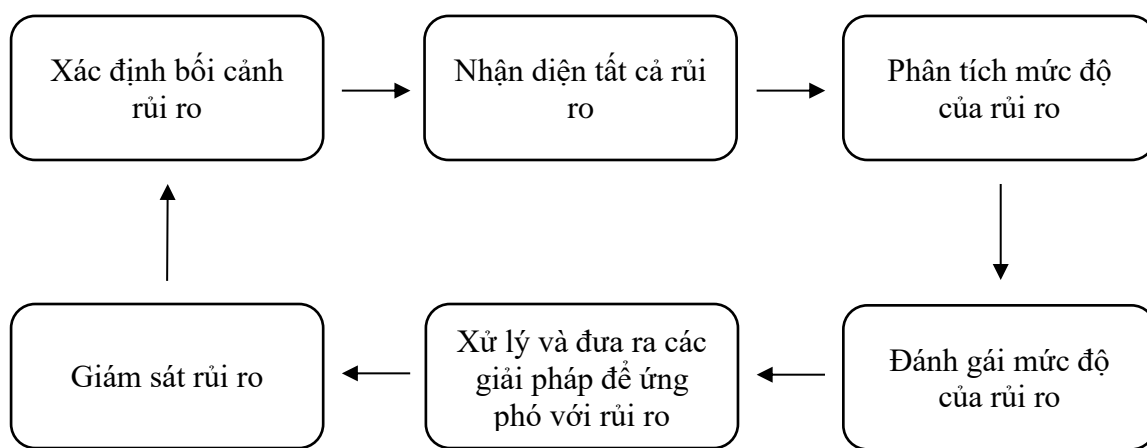
Về bản chất, quản trị rủi ro là một phương pháp chủ động, cho phép kiểm soát các sự kiện trong tương lai dựa trên các dự đoán và phân tích, thay vì phản ứng thụ động khi các sự kiện không mong muốn xảy ra.

Quản trị rủi ro tài chính là quá trình xác định, đánh giá và kiểm soát các rủi ro có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của một tổ chức hoặc doanh nghiệp. Mục tiêu chính của quản trị rủi ro tài chính là giảm thiểu thiệt hại và tối ưu hóa lợi nhuận bằng cách phát triển các chiến lược và biện pháp phòng ngừa.

Theo Merna (2005), quản trị rủi ro là một quy trình nhằm xác định, đánh giá, lập kế hoạch và quản lý các loại rủi ro. Mục tiêu của quản trị rủi ro bao gồm ba điểm chính:

- Xác định các rủi ro hiện hữu.
- Thực hiện phân tích khách quan về các loại rủi ro cụ thể liên quan đến tổ chức.
- Đáp ứng hiệu quả và phù hợp với những rủi ro đó.

Rủi ro là một quá trình nên được thực hiện và đánh giá thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng của tính chất một hoạt động nào đó. Quy trình của quản trị rủi ro được thực hiện như sau:



Sơ đồ 1-1: Quy trình quản trị rủi ro

Nguồn: tổ chức chứng nhận quốc tế ISOCERT

- Khái niệm về quản trị rủi ro tài chính

Quản trị rủi ro tài chính (QTRRTC) là quá trình xác định, đánh giá và kiểm soát các rủi ro có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của một tổ chức hoặc doanh nghiệp. Mục tiêu chính của quản trị rủi ro tài chính là giảm thiểu thiệt hại và tối ưu hóa lợi nhuận bằng cách phát triển các chiến lược và biện pháp phòng ngừa.

Các thành phần chính QTRRTC bao gồm:

- Nhận diện rủi ro: Xác định các loại rủi ro tài chính có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp, như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro thanh khoản, và rủi ro thị trường.

- Đánh giá rủi ro: Phân tích và đánh giá mức độ nghiêm trọng và khả năng xảy ra của từng loại rủi ro để xác định ưu tiên xử lý.

- Lập kế hoạch và chiến lược: Phát triển các chiến lược nhằm giảm thiểu hoặc kiểm soát rủi ro, bao gồm việc sử dụng các công cụ tài chính như bảo hiểm, hợp đồng phái sinh, và phân bổ tài sản.

- Thực hiện và giám sát: Triển khai các biện pháp đã được hoạch định và theo dõi hiệu quả của chúng để đảm bảo rằng các rủi ro được kiểm soát hiệu quả.

- Đánh giá và điều chỉnh: Định kỳ xem xét và điều chỉnh các chiến lược quản trị rủi ro dựa trên sự thay đổi của môi trường kinh doanh và các yếu tố tác động khác.

- Quản trị rủi ro tài chính giúp doanh nghiệp bảo vệ tài sản, duy trì ổn định tài chính, và đảm bảo khả năng phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh đầy biến động.

1.2.1.2. Tầm quan trọng của quản trị rủi ro tài chính

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, quản trị rủi ro tài chính đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng đến sự phát triển của từng doanh nghiệp cũng như của toàn bộ nền kinh tế. Đây là công cụ quan trọng giúp các chủ sở hữu và nhà quản lý đạt được mục tiêu quản lý của mình. Mục tiêu của doanh nghiệp từ góc độ kinh doanh là tối đa hóa lợi nhuận, trong khi từ góc độ tài chính là gia tăng giá trị cho chủ sở hữu và giá cổ phiếu trên thị trường. Tuy nhiên, khả năng sinh lời luôn đi đôi với rủi ro; những dự án có lợi nhuận cao thường đi kèm với rủi ro lớn. Do đó, các doanh nghiệp cần chú trọng vào việc quản trị rủi ro tài chính thông qua nhận diện, đánh giá, kiểm soát và tài trợ rủi ro để đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Sự cần thiết của quản trị rủi ro tài chính trong doanh nghiệp được thể hiện qua các khía cạnh sau:

Nâng cao hiệu quả hoạt động: Quản trị rủi ro tài chính vừa là yếu tố khách quan vừa là biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Quyết định tài chính: Đây là căn cứ quan trọng để doanh nghiệp đưa ra và lựa chọn các quyết định tài chính về các khoản đầu tư mới, mô hình kinh doanh mới hay mở rộng quy mô hoạt động thị trường.

Liên kết với quản trị chiến lược: Quản trị rủi ro tài chính là một phần không thể tách rời trong quản trị chiến lược và quản trị kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này có nghĩa là quản trị chiến lược sẽ không hiệu quả nếu thiếu sự gắn kết với quản trị rủi ro tài chính, nhằm đảm bảo cân bằng giữa khả năng sinh lời và rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.

Quản trị rủi ro giúp nâng cao khả năng:

- Xác định mục tiêu chịu rủi ro và xây dựng chiến lược kinh doanh.
- Giảm thiểu các bất ngờ trong hoạt động, từ đó hạn chế thua lỗ.
- Cải thiện các quyết định phản ứng với rủi ro.
- Quản lý nguồn lực cho phòng chống rủi ro.
- Nhận diện và quản lý các rủi ro toàn công ty.
- Kết nối tăng trưởng, rủi ro và lợi nhuận.
- Đánh giá mức vốn cần huy động.
- Nắm bắt các cơ hội.

Tóm lại, lợi ích của quản trị rủi ro tài chính là tăng cường hiệu quả kinh doanh, nâng cao hiệu lực tổ chức và cải thiện quy trình báo cáo về rủi ro.

1.2.2. Mục tiêu của việc quản trị rủi ro tài chính

Mục tiêu của quản trị rủi ro tài chính bao gồm:

- Bảo vệ tài sản và vốn: Đảm bảo rằng tài sản và vốn của doanh nghiệp không bị tổn thất nghiêm trọng do các rủi ro tài chính.
- Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp: Tìm cách tối đa hóa giá trị cổ đông thông qua việc giảm thiểu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và giá cổ phiếu.
- Cải thiện khả năng ra quyết định: Cung cấp thông tin và phân tích để giúp các nhà quản lý đưa ra quyết định tài chính thông minh hơn.
- Tối ưu hóa chi phí vốn: Quản lý và kiểm soát các chi phí liên quan đến vốn vay và đầu tư, từ đó giúp doanh nghiệp duy trì chi phí vốn ở mức tối ưu.
- Đảm bảo tính thanh khoản: Đảm bảo doanh nghiệp có đủ nguồn lực tài chính để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn và dài hạn.
- Giảm thiểu bất ổn định tài chính: Giảm thiểu những biến động trong dòng tiền và lợi nhuận để tạo ra sự ổn định tài chính cho doanh nghiệp.ⁱⁱⁱ

- Tăng cường sự tin cậy và uy tín: Cải thiện uy tín của doanh nghiệp trong mắt nhà đầu tư, đối tác và khách hàng thông qua việc quản lý rủi ro hiệu quả.^{iv}

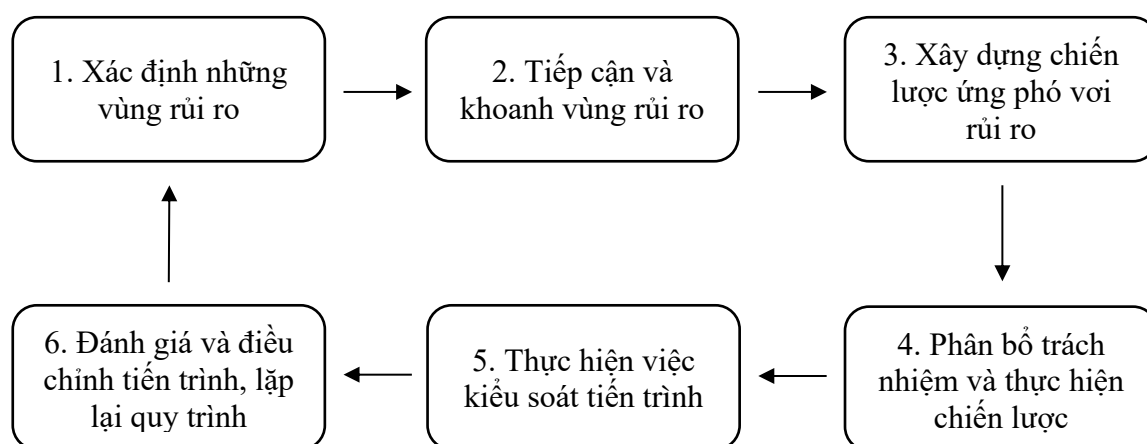
- Đáp ứng quy định pháp lý: Đảm bảo rằng doanh nghiệp tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến quản lý tài chính và rủi ro.

Quản trị rủi ro tài chính không chỉ giúp doanh nghiệp đối phó với những rủi ro hiện tại mà còn chuẩn bị cho những rủi ro tiềm ẩn trong tương lai, từ đó hỗ trợ sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

1.2.3. Quy trình của quản trị rủi ro tài chính

1.2.3.1. Chu trình quản trị rủi ro tài chính

Chu trình quản lý rủi ro tài chính được mô tả như một vòng tròn khép kín, bắt đầu bằng việc xác định các rủi ro tài chính dựa trên các mục tiêu của tổ chức. Sau đó, chu trình sẽ trải qua các giai đoạn thực hiện cụ thể, tiếp theo là việc đánh giá lại tình hình và cuối cùng là thực hiện các biện pháp kiểm soát.



Sơ đồ 1-2: Chu trình quản trị rủi ro tài chính

Nguồn: Tổng hợp từ giáo trình trường Đại học Tài chính - Marketing

Bước đầu tiên (1) mà các nhà quản trị rủi ro cần thực hiện là xác định các rủi ro tài chính mà doanh nghiệp có thể gặp phải trước khi chúng xảy ra. Quá trình này có thể được thực hiện thông qua việc sử dụng bảng câu hỏi, khảo sát trong các cuộc họp nội bộ, hoặc áp dụng nhiều kỹ thuật khác như điều tra sự cố, kiểm toán, phân tích nguyên nhân gốc rễ, và phỏng vấn chuyên gia. Mục tiêu của bước này là tập hợp kiến thức chuyên môn để nhận diện và mô tả tất cả các rủi ro tài chính tiềm ẩn mà tổ chức có thể đối mặt. Sau khi xác định, các thước đo cho từng rủi ro sẽ được ước lượng thông qua việc kết hợp các phương pháp định tính và định lượng.

Bước thứ hai (2) liên quan đến việc khoanh vùng các rủi ro tài chính. Việc này giúp xác định phạm vi mà rủi ro ảnh hưởng, từ đó chuyển sang bước ba (3), là xây dựng chiến lược ứng phó với các rủi ro đã được xác định. Trong chiến lược ứng phó, cần đề ra phương án cụ thể cho từng loại rủi ro, dự đoán các cấp độ rủi ro, và xác định các nguồn lực cần thiết để xử lý.

Bước thứ tư (4) là phân bổ trách nhiệm cho việc thực hiện chiến lược. Việc này bao gồm điều phối nguồn nhân lực và gán trách nhiệm cho từng cá nhân hoặc nhóm trong các phần công việc cụ thể, giúp nhà quản trị dễ dàng theo dõi và kiểm soát tiến trình thực hiện bước số (5).

Bước cuối cùng trong quy trình quản trị rủi ro tài chính (6) là đánh giá lại toàn bộ quy trình. Tại bước này, các nhà quản trị sẽ quyết định liệu họ có kiểm soát được rủi ro hay không. Nếu rủi ro đã được kiểm soát, quy trình sẽ kết thúc; nếu không, quy trình sẽ cần được lặp lại.

Trong suốt cả sáu bước này, việc phân tích, đánh giá, và thu thập thông tin là rất quan trọng để tạo cơ sở cho những quyết định kịp thời.

1.2.3.2. Nhận diện rủi ro tài chính

Để quản trị rủi ro tài chính trước hết ta phải cần nhận diện những rủi ro đã xảy ra trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Nhận dạng rủi ro là quá trình thực hiện mang tính liên tục ở mỗi thời điểm nhằm để nhận biết được nguyên nhân từ đâu và yếu tố nguy hiểm đến hiện trạng của công ty. Nhận diện rủi ro đúng đắn kịp thời nhằm giúp cho công ty biết được những yếu tố nào có thể dẫn đến rủi ro trong tương lai và những rủi ro đang diễn ra tại DN nhằm đưa ra các giải pháp kịp thời giảm tránh những thiệt hại^v cho DN. Do vậy nhận diện rủi ro phải được thực hiện một cách liên tục, mỗi DN nên thiết lập bộ phận quản trị rủi ro và nhận diện và phân tích liên tục trong suốt thời gian hoạt động của DN.

Hoạt động nhận diện rủi ro chủ yếu cập nhật về các thông tin: đối tượng có thể gặp rủi ro, nguồn phát sinh rủi ro, các tổn thất có thể gánh chịu, khả năng tài trợ bù đắp cho tổn thất, phương hướng giải quyết rủi ro.

+ Yếu tố về thị trường: phải thường xuyên cập nhật tin tức thị trường – chính sách kinh tế xã hội, thông tin về ngành và so sánh đối chiếu với tình hình của Công ty xem có thể dẫn đến những rủi ro nào

+ Yếu tố nội tại DN: Thường xuyên xem xét các chỉ số dữ liệu phát hiện kịp thời những bất thường có thể ảnh hưởng đến Công ty.

Dựa trên việc hiểu biết sâu sắc về các yếu tố bên trong và bên ngoài ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, có thể áp dụng một số phương pháp cụ thể để nhận diện rủi ro tài chính như sau:

❖ Phương pháp lập bảng kê: Phương pháp này dựa trên kết quả phân tích SWOT và STEEP để xác định những rủi ro tài chính mà doanh nghiệp có thể gặp phải. Chuyên gia sẽ đánh giá tác động của các yếu tố từ môi trường bên trong và bên ngoài đến doanh nghiệp.

❖ Phương pháp khảo sát: Mỗi phòng ban trong doanh nghiệp có trách nhiệm với những lĩnh vực công việc khác nhau, do đó rủi ro có thể khác nhau giữa các bộ phận. Mỗi phòng ban sẽ nhận phiếu khảo sát với các câu hỏi mô tả các rủi ro có thể xảy ra. Các câu trả lời sẽ được tổng hợp để tạo thành bảng liệt kê các rủi ro theo địa điểm ảnh hưởng.

❖ Phương pháp tham khảo ý kiến chuyên gia: Đây là một phương pháp phổ biến để nhận diện rủi ro tài chính. Chuyên gia có thể là lãnh đạo doanh nghiệp, người phụ trách bộ phận, hoặc chuyên viên trong công ty. Ngoài ra, có thể tham khảo ý kiến từ các chuyên gia bên ngoài, chẳng hạn như các công ty tư vấn chuyên nghiệp, để có cái nhìn toàn diện hơn về rủi ro.

❖ Phương pháp phân tích báo cáo tài chính: Theo phương pháp này, rủi ro được nhận diện thông qua việc phân tích chi tiết các chỉ số trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Từ đó, có thể xác định những yếu tố ảnh hưởng đến quy mô tài sản, nguồn vốn, và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính của doanh nghiệp cho phép nhà quản trị xem xét nhìn nhận phân tích đánh giá, lượng hóa hoạt động kinh doanh của DN. Do vậy mọi sự thay đổi vốn chi phí, nguồn vốn, doanh thu, lợi nhuận hay các chỉ số tỷ lệ trên doanh thu – vốn – tài sản... đều là kết quả của sự tác động của các yếu tố bên ngoài và bên trong doanh nghiệp.

Trên cơ sở các phương pháp nhận diện rủi ro và tiếp theo đó chính là tổng hợp lại các rủi ro tài chính đã được chỉ ra theo các phương pháp.

1.2.3.3. Đo lường rủi ro tài chính

Một sự kiện rủi ro được đánh giá dựa trên hai yếu tố chính: khả năng Một sự kiện rủi ro được đánh giá dựa trên hai yếu tố chính: khả năng xảy ra của sự kiện đó và mức độ ảnh hưởng của nó đến các mục tiêu. Do đó, để đo lường rủi ro, ta cần phân tích và xác định từng yếu tố này một cách riêng biệt.

Nhận diện nguy cơ xảy ra rủi ro tài chính

Để đo lường xác suất xảy ra của rủi ro, có ba cách tiếp cận chung thường được sử dụng là:

– Sử dụng dữ liệu lịch sử: Phương pháp này dựa vào các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ để suy ra xác suất xảy ra trong tương lai. Nó rất hiệu quả với các rủi ro có tần suất cao và tính lặp lại. Tuy nhiên, nếu trước đó không có đủ dữ liệu hoặc sự kiện xảy ra với tần suất thấp, ước lượng xác suất có thể không chính xác.

– Tham khảo ý kiến chuyên gia: Đánh giá của chuyên gia về xác suất xảy ra của rủi ro. Ý kiến của chuyên gia cần dựa vào thông tin liên quan, bao gồm dữ liệu lịch sử và điều kiện cụ thể của tổ chức... Điều này đảm bảo tính hợp lý và đáng tin cậy của ước lượng.

Tác động của rủi ro có thể được đo lường bởi số tuyệt đối hoặc cũng có thể số tương đối (tỷ lệ phần trăm %) từ lượng hóa tác động của rủi ro bước tiếp theo cần phân tích mức độ của rủi ro có thể ảnh hưởng và phân nhóm đánh giá. Có nhiều mức đánh giá khác nhau phụ thuộc vào độ chi tiết của khảo sát.

Đo lường mức độ tác động của rủi ro tài chính đến doanh nghiệp

Tác động của rủi ro có thể được đo bằng số tuyệt đối hoặc số tương đối bằng tỷ lệ phần trăm. Sau khi định lượng tác động, bước tiếp theo là phân tích mức độ ảnh hưởng của rủi ro và phân nhóm đánh giá. Doanh nghiệp có thể chia thành nhiều nhóm khác nhau tùy thuộc vào mức độ chi tiết và khả năng thu thập, xử lý thông tin. Một số mức tác động có thể được xác định như sau:

- + Không đáng kể
- + Ít xảy ra
- + Trung bình
- + Lớn
- + Nghiêm trọng

Mỗi mức tác động tương ứng với một khoảng giá trị xác định. Tác động của rủi ro có thể được đo lường định lượng hoặc thông qua đánh giá định tính để xác định mức độ nghiêm trọng.

Đo lường ảnh hưởng tiềm ẩn của rủi ro tài chính tác động đến Doanh nghiệp

Để đánh giá ảnh hưởng rủi ro tài chính đối với doanh nghiệp một ma trận dạng 5*5 sử dụng để đánh giá giá trị ngẫu nhiên xảy ra của biến cố như sau:

Bảng 1-2: Bảng đo lường tác động rủi ro tài chính đến Doanh nghiệp

Khả năng xảy ra	Ảnh hưởng				
	Không đáng kể (1)	Ít xảy ra (2)	Trung bình (3)	Lớn (4)	Nghiêm trọng (5)
Chắc chắn sẽ xảy ra (1)					
Có nhiều khả năng sẽ xảy ra (2)					
Có thể xảy ra (3)					
Có ít khả năng xảy ra (4)					
Hiếm khi (5)					

Chú thích: Mô tả kết hợp đánh giá khả năng xảy ra và mức độ tác động để đánh giá ảnh hưởng rủi ro tài chính đến doanh nghiệp

Các đánh giá đưa ra có thể hiểu:

- + Thấp: Ảnh hưởng rất nhỏ có thể điều chỉnh bình thường
- + Trung bình: Một số chỉ tiêu bị ảnh hưởng, cần có sự nỗ lực để điều chỉnh
- + Đáng kể: Nhiều chỉ tiêu không đạt cần tập trung nguồn lực để khắc phục
- + Cao: Tất cả các mục tiêu đều không đạt, cần phải tập trung mọi nguồn lực để khắc phục, hay sử dụng các biện pháp đặc biệt.

Với cả ba yếu tố chính của rủi ro là khả năng xảy ra rủi ro, mức độ tác động của rủi ro và ảnh hưởng của rủi ro nhà quản trị thường phải tính phân phối xác suất. Phương pháp được sử dụng là phương pháp định tính.

Phương pháp định tính: là phương pháp khảo sát đánh giá của nhà quản trị, ý kiến tư vấn của các chuyên gia về lĩnh vực, để ròiig từ đó xếp hạng những rủi ro cũng như ước lượng xác suất xảy ra của rủi ro ở một mốc thời gian nào đó.

Phương pháp định tính phù hợp những những rủi ro khó lượng hóa, rủi ro được nhận diện nhưng chưa có dữ liệu quá khứ phù hợp để đánh giá.

Ưu điểm của phương pháp định tính:

- + Đánh giá được các rủi ro khó lường
- + Nhanh chóng đưa ra kết quả đo lường rủi ro khi có sự thay đổi của môi kinh doanh làm tác động đến dữ liệu của phương pháp định lượng.

Hạn chế của phương pháp định tính:

- + Phụ thuộc vào nhiều ý kiến chủ quan của nhà quản trị và các chuyên gia được tham khảo ý kiến
- + Kết quả khác nhau giữa các nhà quản trị và các chuyên gia khác nhau.

1.2.3.4. Đánh giá rủi ro tài chính^{vi}

Trên cơ sở kết quả đo lường rủi ro, dựa trên bước tiếp theo của quy trình là tiến hành đánh giá rủi ro đã được xử lý. Đánh giá rủi ro thông thường chia thành hai công đoạn:

- Đánh giá sơ lược và đánh giá chuyên sâu.
- Đánh giá sơ bộ: Mục tiêu loại bỏ những rủi ro không đáng kể hoặc ít quan trọng. Mục đích là để tập trung những nguồn lực và khả năng xử lý vào những rủi ro quan trọng nhất. Theo đó, những rủi ro đã được xác định ở bước 1, và đo lường mức độ tác động đến doanh nghiệp sẽ được đưa ra phân tích sơ bộ. Đánh giá sơ bộ nhận dạng chỉ có một hoặc có nhiều chuỗi hành động đang diễn ra:

- + Ra quyết định để xử lý rủi ro không cần lặp lại
- + Loại bỏ các rủi ro ít có tác động đến DN mà không cần phải xử lý.

Những rủi ro gây ảnh hưởng lớn và trung bình sẽ đưa ra đánh giá chi tiết hơn nhằm để xác định mức độ tác động.

Trong công đoạn đánh giá sơ bộ chúng ta cần phải chú ý không được loại bỏ những biến có rủi ro thấp nhưng xảy ra một cách lặp đi lặp lại nhiều lần và có tác động tổng hợp gây ảnh hưởng thiệt hại đến tổng thể.

Đánh giá cụ thể và chi tiết rủi ro: Mục tiêu sắp xếp các rủi ro theo một trình tự ưu tiên từ cao đến thấp về mức độ tác động có thể ảnh hưởng, để nhà quản trị dễ dàng nhìn nhận thấy mức độ nguy hiểm của rủi ro và sắp xếp nguồn lực xử lý rủi ro nhanh chóng. Cụ thể:

- *Sắp xếp phân hạng rủi ro trên cơ sở định tính:* theo đó dựa trên kinh nghiệm của nhà quản trị, với khả năng xảy ra và mức độ tác động của vấn đề đã được xử lý nhà quản trị phân loại và sắp xếp các rủi ro tiềm ẩn trên cơ sở ma trận và đánh giá ảnh hưởng rủi ro.

Từ cơ sở bảng tổng hợp rủi ro, trên cơ sở ma trận đánh giá ảnh hưởng rủi ro. Nhà quản trị xác định và phân bổ các rủi ro theo mức độ ảnh hưởng hoạt động của doanh nghiệp.

- *Xếp xếp phân hạng rủi ro trên cơ sở định lượng*: Dựa trên những tham số đã xác định trước đó, bao gồm những khả năng xuất hiện rủi ro, mức độ ảnh hưởng của rủi ro và đánh giá thêm thời điểm xuất hiện rủi ro để xác định lượng hóa giá trị rủi ro.

Công thức giá trị rủi ro:

Giá trị rủi ro = mức độ tác động * Khả năng xuất hiện rủi ro * Khung thời gian

Khung thời gian hay thời điểm xuất hiện rủi ro thường được đề xuất bởi 4 khả năng có thể xảy ra như sau:

- Ngay lập tức : Rủi ro sẽ xảy đến gần như ngay tức khắc (trong vòng một tuần lễ)
- Rất gần: rủi ro sẽ xuất hiện tại thời điểm rất gần thời điểm mà chúng ta phân tích (trong vòng một tháng)
- Sắp xảy ra: rủi ro sẽ xuất hiện trong tương lai gần (trong vòng một quý)
- Rất lâu: rủi ro sẽ xuất hiện trong tương lai xa hoặc chưa xác định được (trong vòng một năm hoặc lâu hơn)

Với mỗi khả năng xảy ra nhà quản trị gán một giá trị tương ứng để làm cơ sở quản trị rủi ro. Dựa trên các chỉ tiêu tính được nhà quản trị sẽ tổng hợp và sắp xếp mức độ rủi ro từ cao đến thấp để ưu tiên thực hiện quản trị rủi ro.

1.2.3.5. Xử lý rủi ro tài chính

Xử lý rủi ro là việc áp dụng các chiến lược, quy trình, công cụ và kỹ thuật nhằm phòng ngừa, né tránh hoặc giảm thiểu những thiệt hại không đáng có khi rủi ro xảy ra, đồng thời kiểm soát rủi ro liên tục suốt quá trình theo kế hoạch quản lý rủi ro đã đề ra.

Dựa vào kết quả đo lường rủi ro tài chính, phòng ngừa rủi ro tài chính có nghĩa là sử dụng những chiến lược, chương trình hành động, công cụ và kỹ thuật phù hợp để ngăn chặn, né tránh hoặc giảm thiểu tổn thất cũng như những ảnh hưởng không mong muốn từ rủi ro tài chính.

Một trong những biện pháp là tránh rủi ro bằng cách không tham gia vào những hoạt động có nguy cơ. Nhà quản lý có thể phát hiện những dự án kinh doanh có khả năng rủi ro cao và từ chối tham gia để bảo vệ doanh nghiệp khỏi những tác động tiêu cực. Tuy nhiên, cách này có thể dẫn đến việc bỏ lỡ những cơ hội sinh lợi. Ngoài ra, không phải tất cả các rủi ro đều có thể tránh được, chẳng hạn như doanh nghiệp xuất nhập khẩu sẽ không

thể tránh khỏi rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá trừ khi không tham gia vào hoạt động này.

Ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro là nhóm các giải pháp nhằm giảm thiểu rủi ro đến mức tối thiểu có thể. Ngăn ngừa rủi ro tập trung vào việc giải quyết nguyên nhân gây ra rủi ro, trong khi nếu không thể né tránh, nhà quản lý cần tìm cách giảm thiểu tần suất xảy ra của rủi ro và giảm thiểu tổn thất một khi rủi ro đã xảy ra.

Chấp nhận rủi ro là việc đồng ý với tình trạng rủi ro và xác định chiến lược tối ưu để đối phó với những tổn thất và tác động của nó. Đây là một phương pháp cần thiết để không bỏ lỡ cơ hội kiếm lời. Trong tình huống này, nhà quản lý cần dự phòng nguồn lực tài chính để kịp thời bù đắp cho các thiệt hại có thể xảy ra mà không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh tổng thể của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc dự phòng quá nhiều có thể gây áp lực lên nguồn tài chính cần thiết cho sản xuất.

Chuyển giao rủi ro hay chia sẻ rủi ro là biện pháp mà doanh nghiệp thực hiện bằng cách ký kết các hợp đồng với những điều khoản đặc biệt. Ví dụ, để giảm thiểu rủi ro giá cả biến động, doanh nghiệp có thể ký hợp đồng dài hạn với mức giá cố định hoặc tham gia vào hợp đồng kỳ hạn nhằm tránh rủi ro tỷ giá. Qua đó, rủi ro sẽ được chia sẻ giữa bên mua và bên bán theo các điều khoản đã thỏa thuận.

Tất cả những rủi ro đều được quản lý xem xét kỹ lưỡng và chọn ra những phương pháp phù hợp để giảm thiểu được rủi ro nhằm tránh gây tổn thất thiệt hại cho doanh nghiệp và các rủi ro sau khi được nhìn nhận và đánh giá thì phải luôn theo dõi một cách chủ động và giúp cho nhà quản lý dễ dàng đánh giá và quyết định về quản trị. Hoạt động chủ động theo dõi này giúp cho nhà quản trị có thể sử dụng cả hai phương pháp định tính và định lượng có thể xây dựng hệ thống cảnh báo sớm cho việc xây dựng hệ thống quản lý rủi ro

1.2.4. Các chỉ tiêu đo lường đánh giá rủi ro tài chính

Bảng 1-3: Các chỉ tiêu đo lường, đánh giá rủi ro tài chính

STT	Nhóm chỉ tiêu	Công thức	Ý nghĩa
-----	---------------	-----------	---------

I	Nhóm chỉ tiêu về tự chủ tài chính		
1	Hệ số nợ so với tổng tài sản	Tổng nợ / Tổng tài sản	<p>Hệ số nợ, chỉ tiêu này phản ánh mức độ nợ trong tổng tài sản của doanh nghiệp.</p> <p>Nếu hệ số nợ tăng lên, mức độ cần thanh toán tăng điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.</p>
2	Nợ trên vốn chủ sở hữu	Tổng nợ / Vốn CSH	<p>Chỉ tiêu này phản ánh mối quan hệ giữa nguồn vốn huy động từ bên ngoài so với vốn chủ sở hữu. Đối với các doanh nghiệp nhà nước, theo quy định tỷ lệ này không được vượt quá 3 lần.</p>
3	Tỷ suất tài trợ nợ	Tổng nợ / Tổng tài sản	<p>Chỉ tiêu này phản ánh khả năng tự tài trợ của doanh nghiệp bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Nếu chỉ tiêu này cao thì phần lớn tài sản của doanh nghiệp được hình thành bằng nguồn vốn chủ sở hữu và rủi ro về khả năng thanh toán nợ gốc và lãi vay thấp và ngược lại.</p>
II	Nhóm chỉ tiêu sinh lời		

4	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu tuần}} * 100\%$	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thể hiện trong 1 đồng doanh thu có bao nhiêu đồng lợi nhuận, Chỉ tiêu này càng cao phản ánh khả năng tạo ra lãi ròng trên một đồng doanh thu của doanh nghiệp càng lớn và ngược lại.
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn CSH BQ}} * 100\%$	Chỉ tiêu này phản ánh khả năng sinh lời của một đồng vốn chủ sở hữu và nó được các chủ sở hữu doanh nghiệp, các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm.
6	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{TTS BQ}} * 100\%$	Đây là một chỉ tiêu tổng hợp nhất được dùng để đánh giá khả năng sinh lợi của một đồng vốn đầu tư. Khi phân tích các chỉ số tài chính có thể phát hiện ra nguồn rủi ro tiềm tàng của doanh nghiệp như rủi ro về khả năng thanh toán, rủi ro về khả năng trả nợ, rủi ro về khả năng phá sản dựa trên các số liệu quá khứ.
III	Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
7	Hệ số thanh toán ngắn hạn	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Hệ số thanh toán ngắn hạn phản ánh mức độ trang trải của tài sản ngắn hạn

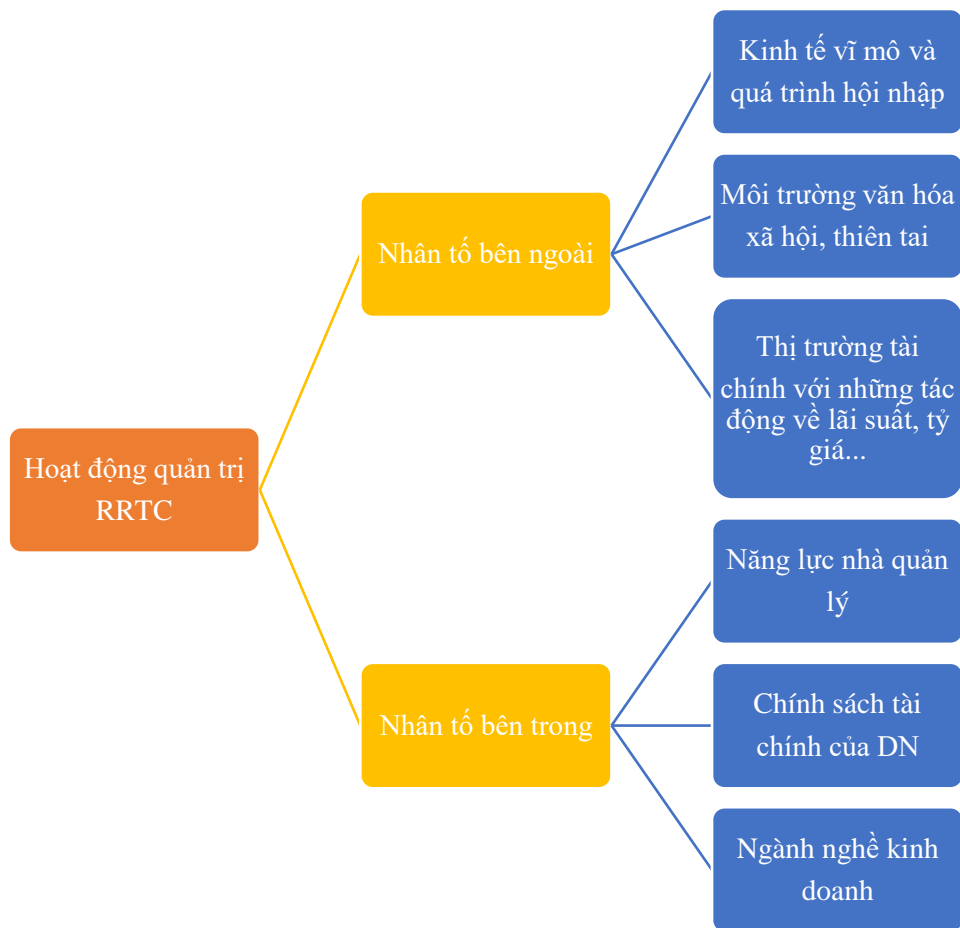
			<p>đối với nợ ngắn hạn mà không cần tới một khoản vay nợ thêm. Nếu hệ số này lớn hơn 1 thì doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và tình hình tài chính là bình thường. Nếu hệ số này nhỏ hơn 1 thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong thanh toán. Hệ số thanh toán ngắn hạn phụ thuộc đặc điểm ngành nghề kinh doanh.</p>
9	Hệ số thanh toán nhanh	TSNH- Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	<p>Hệ số thanh toán nhanh đo lường mức độ đáp ứng nhanh của tài sản NH trước các khoản nợ ngắn hạn. Thực tế cho thấy, hệ số này nếu lớn hơn 0.5 thì tình hình thanh toán tương đối khả quan, còn nếu nhỏ hơn 0.5 thì đơn vị có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán công nợ.</p>
10	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát	Tổng tài sản / Nợ phải trả	<p>Chỉ tiêu này phản ánh mức độ đảm bảo các khoản nợ phải trả bằng tài sản của doanh nghiệp. Nếu hệ số này dần tới 1 là báo hiệu sự phá sản của doanh nghiệp, nguồn vốn chủ sở hữu mất hầu như toàn bộ, tổng số tài sản hiện có (TSNH, TSDH)</p>

			không đủ trả nợ mà doanh nghiệp phải thanh toán. Rủi ro phá sản của doanh nghiệp là cao khi hệ số này tiến dần tới 1.
11	Hệ số thanh toán lãi vay	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay phải trả	Hệ số khả năng thanh toán lãi vay cho biết mức độ lợi nhuận đảm bảo khả năng trả lãi như thế nào. Nếu công ty quá yếu về mặt này, các chủ nợ có thể đi đến gây sức ép lên công ty, thậm chí dẫn tới phá sản công ty.

Nguồn: Tổng hợp từ giáo trình quản trị rủi ro tài chính tại Đại học kinh tế Quốc dân

1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp

Doanh nghiệp hoạt động không thể tách rời ra khỏi môi trường kinh doanh, trong môi trường đó sẽ có sự tương tác giữa các cá thể này với các cá thể khác với tần suất nhiều hay ít, thời gian dài hay ngắn trong phạm vi dài hay hẹp ngày càng phụ thuộc vào yếu tố tin tưởng và chất lượng. Một trong những yếu tố chính để gia tăng thêm niềm tin đó chính là khả năng quản trị rủi ro của doanh nghiệp đó. Khi DN sử dụng 1 đồng vốn bỏ ra có thể mang lại lợi nhuận sau cùng từ 20-40% thì chúng ta dễ dàng nhận thấy rằng khả năng quản trị và sử dụng dòng tiền để tạo ra tiền của DN này rất tốt so với các khoản đầu tư mang tính chất an toàn khác chẳng hạn như : tiền gửi ngân hàng giao động từ 5 – 10%. Tất cả hoạt động của một doanh nghiệp đều phải có khâu quản trị rủi ro, nhưng các biến cố tác động đến DN ngày càng phổ biến hơn và ảnh hưởng từ các yếu tố bên trong và bên ngoài của môi trường dẫn đến thách thức không hề nhỏ đối với quá trình quản trị rủi ro của doanh nghiệp.



Hình 1-1: Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản trị rủi ro tài chính

Nguồn: Đề xuất của tác giả

Nhân tố bên ngoài:

Môi trường Kinh Tế Vĩ Mô

Môi trường kinh tế vĩ mô được coi là một trong những yếu tố bên ngoài quan trọng nhất ảnh hưởng đến công tác quản lý rủi ro tài chính của doanh nghiệp. Sự cạnh tranh khốc liệt trong thị trường toàn cầu, đặc biệt sau khi gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới, tạo ra nhiều áp lực cho doanh nghiệp. Thành công hay thất bại của một doanh nghiệp không chỉ ảnh hưởng đến chính nó mà còn có tác động lớn đến sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế. Những biến số vĩ mô như lạm phát, lãi suất, và các chính sách kinh tế có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động quản lý của doanh nghiệp.

Sự Phát Triển của Thị Trường Tài Chính

Lãi suất và lạm phát có thể tạo ra gánh nặng cho doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp có tỷ lệ vốn vay cao. Thị trường tài chính và các định chế tài chính trung gian đóng vai trò quan trọng trong việc huy động và đầu tư vốn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi thị trường và các trung gian tài chính gặp vấn đề, điều này có thể làm gia tăng

nguy cơ rủi ro tài chính mà doanh nghiệp không thể dự đoán hoặc ứng phó kịp thời. Một ví dụ điển hình là khủng hoảng tài chính toàn cầu, đã dẫn đến sự sụp đổ của nhiều ngân hàng và doanh nghiệp trên toàn thế giới.

Môi Trường Văn Hóa - Xã Hội

Một môi trường văn hóa - xã hội ổn định sẽ tạo ra nền tảng vững chắc cho sự ổn định kinh tế, từ đó gián tiếp kiểm soát và giảm thiểu nguy cơ rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tính đặc thù của văn hóa xã hội ảnh hưởng đến cách thức quản lý rủi ro tài chính trong từng doanh nghiệp. Tuy nhiên, những biến động xã hội khó lường sẽ là thách thức lớn đối với doanh nghiệp trong quá trình quản lý rủi ro tài chính.

Nhân tố bên trong

Năng Lực và Quyết Định của Nhà Quản Trị

Hoạt động quản trị rủi ro tài chính, cũng như quản trị tài chính tổng thể, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ năng lực của nhà quản trị. Những nhà quản trị có năng lực chuyên môn tốt có khả năng nhận diện chính xác các rủi ro tài chính mà doanh nghiệp có thể đối mặt, từ đó đề xuất những chiến lược và giải pháp phù hợp để quản lý rủi ro tài chính. Ngược lại, nếu năng lực của nhà quản trị hạn chế, họ có thể gặp khó khăn ngay từ khâu nhận diện rủi ro, đánh giá chính xác mức độ tác động của chúng, và đưa ra giải pháp không phù hợp. Điều này sẽ dẫn đến những tác động tiêu cực tới chi phí, kết quả và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo Trịnh Thị Phan Lan (2016), nhận thức của nhà quản trị về quản trị rủi ro tài chính có thể được xác định thông qua việc trả lời một số câu hỏi sau:

- Quản trị rủi ro tài chính có phải là một phần công việc được thảo luận định kỳ trong Ban giám đốc hay không?
- Doanh nghiệp có bộ phận chuyên trách về rủi ro hay không?
- Các thành viên trong Ban giám sát có hiểu biết về các công cụ tài chính mà doanh nghiệp đang sử dụng, đặc biệt là các công cụ phái sinh hay không?
- Ngân sách dành cho hoạt động quản trị rủi ro tài chính được phân bổ như thế nào?

Ngành Nghề và Lĩnh Vực Kinh Doanh

Mỗi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh đều có những đặc điểm riêng, thể hiện ở nhiều khía cạnh như nhu cầu đầu tư vào tài sản cố định, vòng quay vốn, và các rủi ro đặc thù. Ví dụ, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng thường có tỷ trọng đầu tư

lớn vào tài sản cố định và nhu cầu vốn kinh doanh cao. Điều này khiến họ có xu hướng đa dạng hóa nguồn huy động vốn và sử dụng nhiều nợ vay. Ngược lại, các doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ thường có tỷ trọng đầu tư vào tài sản dài hạn thấp hơn, với vốn tập trung chủ yếu vào hàng tồn kho và nợ phải thu. Vì vậy, các chiến lược quản trị rủi ro sẽ cần được điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực.

Chính Sách Tài Chính của Doanh Nghiệp

Các chính sách tài chính của doanh nghiệp, đặc biệt là những chính sách chiến lược dài hạn như chính sách đầu tư, chính sách huy động vốn và chính sách phân phối lợi nhuận, ảnh hưởng lớn đến mức độ rủi ro tài chính mà doanh nghiệp có thể gặp phải. Những chính sách này sẽ xác định cách thức doanh nghiệp tiếp cận và xử lý các rủi ro tài chính, từ đó quyết định khả năng phát triển bền vững của doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh. Hoạt động đầu tư vào các mô hình kinh doanh mới sẽ dễ gây ra nhiều rủi ro hơn so với mô hình kinh doanh truyền thống nên việc tích hợp phát triển hoạt động kinh doanh dựa trên liên kết chuỗi sẽ mang lại lợi ích nhiều khía cạnh.

1.3. Kinh nghiệm quản trị rủi ro tài chính tại một số Công ty Việt Nam

Kinh nghiệm quản trị rủi ro tài chính tại Việt Nam đã được đúc kết từ nhiều bài học quý giá từ các doanh nghiệp nước ngoài, bao gồm cả những thành công và thất bại. Dưới đây là một số điểm nổi bật:

Thiết lập bộ phận chuyên trách: Doanh nghiệp cần thành lập một bộ phận chuyên trách về quản trị rủi ro tài chính. Dù hình thức tổ chức có thể khác nhau tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp, bộ phận này đóng vai trò thiết yếu trong việc triển khai các chiến lược và hoạt động quản trị rủi ro tài chính. Đồng thời, bộ phận này cũng sẽ là cầu nối truyền tải thông điệp đến các bộ phận khác trong doanh nghiệp.

Kiến thức tài chính của ban lãnh đạo: Ban lãnh đạo cần phải có kiến thức vững về tài chính và hiểu rõ các công cụ phòng ngừa. Điều này giúp doanh nghiệp tự đánh giá các vấn đề nội tại cũng như theo dõi sát sao các chiến lược và mục tiêu đã đặt ra.

Đánh giá liên tục các quyết định: Doanh nghiệp nên liên tục đánh giá lại các quyết định liên quan đến quản trị rủi ro tài chính. Việc này đồng nghĩa với việc theo dõi chặt chẽ quá trình quản trị và đối chiếu với các kế hoạch và mục tiêu đã đề ra.

Với kinh nghiệm bề dày về QTRRTC của các tập đoàn đa quốc gia họ có bộ máy quản trị rủi ro rất chặt chẽ và áp dụng nhiều công cụ phái sinh trên thị trường nhằm giảm thiểu các rủi ro về lãi suất và tỷ giá tiền tệ và dòng tiền. Syngeta Group và Bayer là hai

doanh nghiệp nước ngoài hàng đầu tại Việt Nam có đầy đủ về bộ máy quản trị RRTC. Dưới sự điều hành của CFO tại Singapore bộ máy quản trị RRTC được vận hành một cách chặt chẽ. Các doanh nghiệp này thường sử dụng các công cụ như quyền chọn tiền tệ, hợp đồng hoán đổi tiền tệ hoặc lãi suất nhằm để bảo vệ thu nhập và các chi phí có liên quan. Bởi dòng tiền của các công ty này chủ yếu là đồng ngoại tệ nên việc dùng các công cụ phái sinh trên rất phù hợp và hiệu quả.

Đối với các doanh nghiệp Việt Nam, hầu hết các DN chưa hình thành bộ máy QTRR chỉ có một vài DN hàng đầu mới có bộ máy kiểm soát nội bộ nhằm để kiểm tra và xem xét các rủi ro tổng thể mà DN có thể gặp phải. Về công cụ phái sinh thì các doanh nghiệp đủ lớn mới có thể dùng đến các công cụ phái sinh. Công cụ chủ yếu đó là hợp đồng quyền chọn nhằm đảm bảo tỷ giá chủ yếu là đồng dollar và hợp đồng hoán đổi.

Diễn hình về công tác quản trị về khoản vay và rủi ro tỷ giá và lãi suất tại Tập đoàn Masan: Cụ thể, 950 triệu USD tiền gốc vay được chuyển đổi sang VND ở tỷ giá 23.937 đồng và lãi suất cố định 8,93%. Sử dụng hoán đổi lãi suất (Interest Rate Swaps) kết hợp với giao dịch hối đoái (FX) kỳ hạn, 45 triệu USD thanh toán gốc vào năm 2024 ‘chốt’ với tỷ giá hối đoái là 24.005, đồng thời 300 triệu USD có lãi suất cố định 6,48% mỗi năm trong kỳ hạn 5 năm với tỷ giá hối đoái của 1 năm (1-year FX) ở mức 23.790, giúp giảm thiểu rủi ro liên quan đến tiền tệ và lãi suất.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã đưa ra những nội dung tổng quan về quản trị rủi ro tài chính bao gồm: khái niệm, các dạng rủi ro tài chính, ảnh hưởng, tầm quan trọng, mục tiêu... ngoài ra ở chương 1 cũng đã đưa ra cơ sở lí luận về quản trị rủi ro tài chính để làm nền tảng cho chương 2. Bao gồm quy trình quản trị rủi ro tài chính và các cơ sở để đánh giá mức độ rủi ro dựa trên báo cáo tài chính và bảng khảo sát cán bộ nhân viên tại Posco E&C Việt Nam.

CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH POSCO E&C VIỆT NAM

2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

POSCO E&C Việt Nam, hay POSCO Engineering & Construction Việt Nam, được thành lập vào năm 1996. Với hơn 28 năm kinh nghiệm kể từ khi thành lập vào năm 1996, chúng tôi đã thực hiện hơn 300 dự án bao gồm các thị trường trên toàn thế giới, bao gồm Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Châu Á, Úc, Bắc Mỹ, Nam Mỹ cho khách hàng trên toàn thế giới. Và trong nước với sự uy tín của công ty nên được các nhà thầu tin tưởng hợp tác trong các dự án với bề dày kinh nghiệm và những thành công thực tế, Posco E&C là đơn vị tổng thầu có thể thực hiện nhiều loại hình công trình, dự án có độ phức tạp, yêu cầu công nghệ cao, là một trong các nhà thầu chính cho dự án Khu liên hợp gang thép Formosa Hà Tĩnh về cao tốc và tòa nhà cao tầng: Cao tốc Long Thành Dầu Dây, nhà máy lọc dầu Dung Quất, tòa nhà Bitexco, Landmark...

Trong suốt hành trình phát triển của công ty POSCO E&C Việt Nam, công ty đã chứng kiến sự phát triển vượt bậc của thị trường Việt Nam. Các công nghệ được sử dụng đã tiến bộ đáng kể, giúp nâng cao tính linh hoạt và hiệu suất sản lượng tăng lên đáng kể để đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về xây dựng, công ty POSCO E&C Việt Nam đã liên tục cải tiến hệ thống và tăng cường năng lực, bao gồm mở rộng nhà máy sản xuất, tích cực truyền tải những kiến thức mới cho nhân viên và cán bộ của công ty.

Với diện tích nhà xưởng 137.000 mét vuông, sức chứa khoảng 30.000 người, được trang bị tốt và chứng nhận bằng cấp quốc tế (ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001, EN3834-2, EN 1090-1, EN 1090-2, AWS, AISC, ASME Stamp U, S, R, PP, JPN-H),



Hình 2-1: Chứng chỉ quốc tế của công ty công ty cung cấp các sản phẩm theo phạm vi công việc, bao gồm Kỹ thuật – Mua sắm – Sản xuất – Kiểm tra – Đóng gói và Vận chuyển. Hiện nay nhân sự của công ty 522+

người bao gồm cả cán bộ cấp cao và cán bộ nhân viên của công ty. Hiện nay công ty Posco E&C Việt Nam được xếp hạng hàng đầu của các công ty sản xuất và cung cấp thép tại thị trường Việt Nam và cũng như nước ngoài.

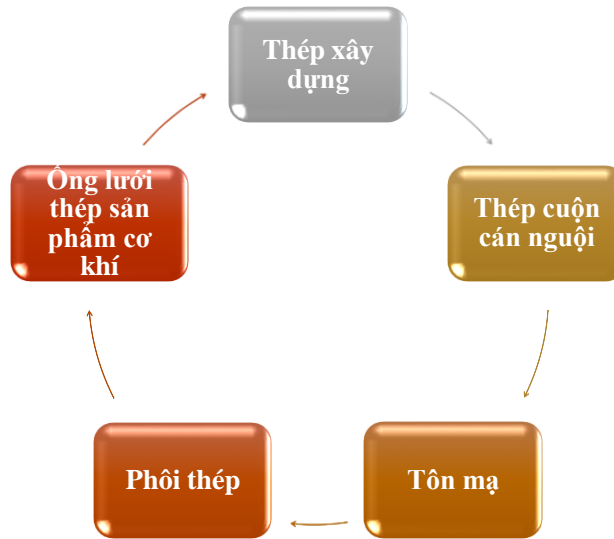
POSCO E&C là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng và phát triển dự án toàn cầu. POSCO E&C Việt Nam là một chi nhánh của POSCO E&C hoạt động tại Việt Nam, và nó là một phần của tập đoàn POSCO lớn mạnh.

POSCO E&C VIỆT NAM có nhà máy sản xuất ở Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, Phước Thiên, Q. Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam và văn phòng ở Tầng 34, Tòa nhà Opal Tower 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM, Việt Nam và Tầng 4, Trung tâm thương mại Daeha 360 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.



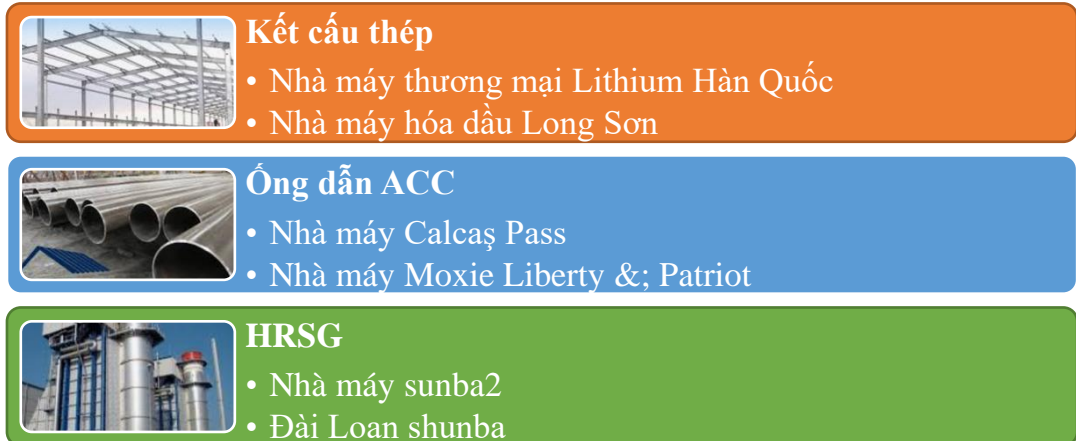
Với mục tiêu cung cấp sản phẩm chất lượng và xử lý và giải quyết vấn đề nhanh cho khách hàng Posco E&C Việt Nam có đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm và chuyên môn cao, luôn sẵn lòng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng với tinh thần hợp tác và sự cam kết. Công ty cũng chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo có sẵn những tài năng tốt nhất cho các dự án trong tương lai. Với tiêu chuẩn quản lý chất lượng cao cùng với cam kết về an toàn lao động và bảo vệ môi trường, Posco E&C Việt Nam không chỉ là một đối tác tin cậy mà còn là một người bạn đồng hành đáng tin cậy trong mọi dự án xây dựng.

❖ Lĩnh vực kinh doanh:



Sơ đồ 2-1: Sản phẩm kinh doanh của công ty

Công ty POSCO E&C VIỆT NAM là một trong những công ty cung cấp các dịch vụ sản phẩm đa dạng và chất lượng cao cho khách hàng cá nhân và tổ chức. POSCO E&C VIỆT NAM cung cấp và thi công các sản phẩm tại các dự án tiêu biểu như:



Hình 2-2: Các sản phẩm thép công ty cung cấp cho khách hàng

❖ **Tầm nhìn**

Trở thành một trong những nhà thầu hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng và kỹ thuật hàng đầu tại Việt Nam và khu vực, đạt đẳng cấp quốc tế, được khách hàng, nhân viên, cổ đông tin cậy và mong muốn gắn bó lâu dài.

❖ **Sứ mệnh**

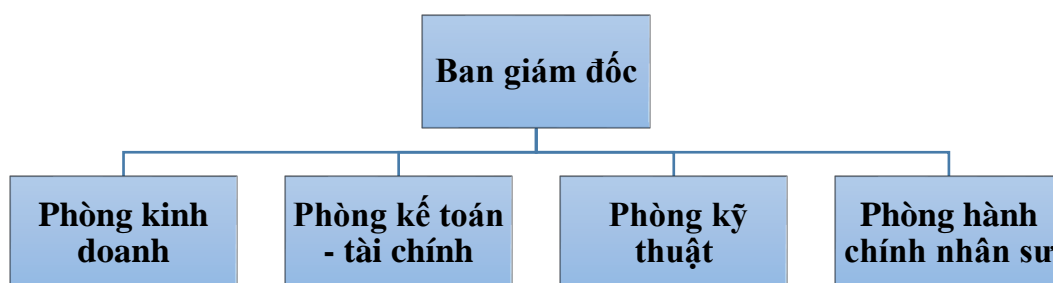
Cung cấp sản phẩm cho khách hàng | Chất lượng tốt nhất | Giá cả cạnh tranh |
Giao dự án đúng thời hạn | Dựa trên triết lý quản lý của Tập đoàn POSCO, chúng tôi
cung cấp các dịch vụ trước và sau dịch vụ cho khách hàng một cách có đạo đức.

❖ Giá trị cốt lõi

- Chú trọng khách hàng: POSCO E&C VIỆT NAM luôn coi khách hàng là trung tâm điểm quyết định mọi hoạt động của Công ty;
- Nguồn nhân lực: là tài sản quý giá nhất của Công ty;
- Cạnh tranh lành mạnh: đề cao đạo đức nghề nghiệp, xây dựng một môi trường kinh doanh mang tính cạnh tranh cao, vì sự phát triển bền vững của ngành cũng như xã hội;
- Tính trung thực và chính trực: luôn hành xử một cách trung thực, thẳng thắn.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam

Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam có cấu trúc với đầy đủ các phòng ban của các công ty như: Phòng kinh doanh; Phòng kỹ thuật; Phòng tài chính – kế toán. Phòng tổ chức hành chính. Mỗi các phòng ban được chia làm nhiều khối chức năng và nhiệm vụ khác nhau phục vụ cho quản trị công việc, quản trị nhân sự của Công ty.



Sơ đồ 2-2: Cơ cấu tổ chức của Công ty

Trên đây là sơ đồ tổ chức nhân sự của công ty, nó khá rõ ràng và đơn giản nên tiện cho việc quản lý và phát triển. Tuy nhiên Công ty không có bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên phân tích kiểm tra tình hình hoạt động của công ty. Các bộ phận được phân chia và tách biệt nhưng vẫn có thể hỗ trợ nhau khi cần thiết để trở thành một tập thể thống nhất với nhau.

Sơ đồ tổ chức của công ty được thiết kế đơn giản và chặt chẽ, đảm bảo tính độc lập và thống nhất. Điều này giúp giảm thiểu số lượng trung gian trong việc truyền đạt

mệnh lệnh, từ đó đảm bảo thông tin được cập nhật kịp thời và chính xác. Công ty áp dụng chính sách phân cấp quản lý kinh tế cao cho các bộ phận, tạo điều kiện cho tính tự chủ và linh hoạt, đồng thời nâng cao chuyên môn của từng bộ phận và gắn trách nhiệm của từng cá nhân với kết quả cuối cùng. Mặc dù mỗi bộ phận có chức năng riêng biệt, nhưng chúng lại có mối liên hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau và cùng tham mưu cho giám đốc để đưa ra những quyết định đúng đắn, góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh và tăng lợi nhuận cho công ty.

2.2 Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam đã ghi nhận nhiều dấu mốc lịch sử quan trọng, trước sự biến động mạnh mẽ của thị trường và ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu trong giai đoạn 2020 - 2023.

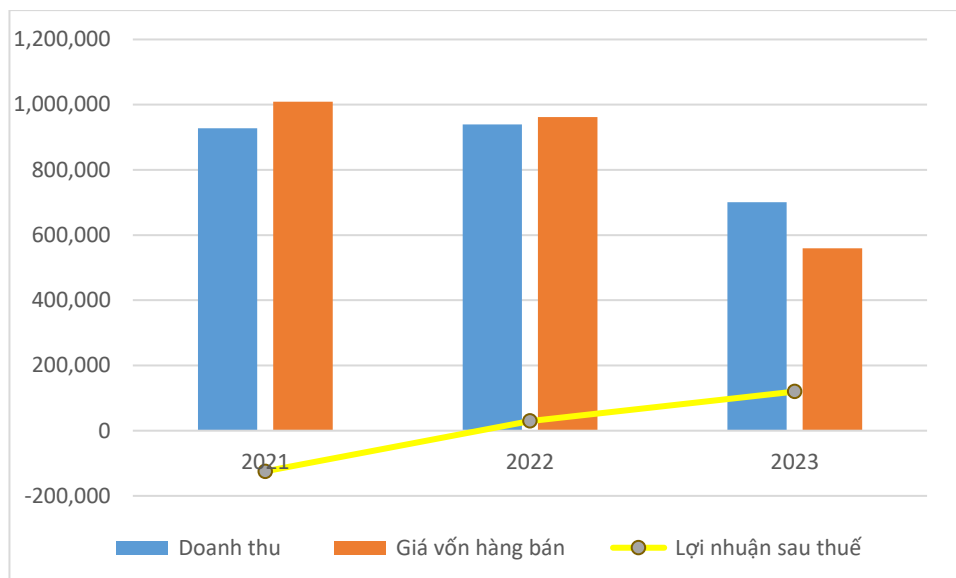
Dưới đây là bảng báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam trong giai đoạn 2021-2023.

Bảng 2-1: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Posco E&C Việt Nam giai đoạn 2021-2023

(ĐVT: Triệu đồng)

	2021	2022	2023	2022/2021.		2023/2022.	
				(+/-)	%	(+/-)	%
Doanh thu	927.169	939.012	701.057	11.842	1%	(237.954)	-25%
Giá vốn hàng bán	1.008.764	962.099	559.834	(46.665)	-5%	(402.265)	-42%
Lợi nhuận sau thuế	(124.508)	29.468	119.961	95.040	124%	90.492	307%
Tài sản ngắn hạn	1.080.515	929.420	867.053	(151.094)	-14%	(62.366)	-7%
Tài sản dài hạn	124.217	110.735	98.369	(13.482)	-11%	(12.366)	-11%
Nợ phải trả	1.348.176	1.154.130	959.435	(194.045)	-14%	(194.694)	-17%
Tổng tài sản	1.204.733	1.040.155	965.422	(164.577)	-14%	(74.732)	-7%

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021-2023)



Biểu đồ 2-1: Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2021-2023

Doanh thu (DT): Bảng 2.1 cho thấy doanh thu từ năm 2021-2023 biến động theo từng năm, có sự tăng giảm qua từng năm không có xu hướng tăng hoặc giảm trong ba năm. Năm 2021, doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (DTTTHDKD) đạt 927.169 triệu đồng, năm 2022 đạt 939.012 triệu đồng tăng so với năm 2021 là 11.842 triệu đồng và cũng tương ứng với tỷ lệ tăng 1%. Doanh thu năm 2023 giảm xuống còn 701.057 triệu đồng và tương đương giảm 237.954 triệu đồng so với năm 2022 song song với tỷ lệ là âm 25% nguyên nhân dẫn đến sự sụt giảm ở năm 2023 này là vì ảnh hưởng mạnh từ kinh tế thị trường và lạm phát tại Mỹ ở mức cao nên dẫn đến lãi suất thắt chặt nên việc nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng của các DN bị hạn chế dẫn đến doanh thu năm 2023 giảm 25% so với năm 2022.

Giá vốn hàng bán (GVHB) : Cùng với sự tăng giảm của doanh thu thì giá vốn hàng bán cũng biến động tương tự với DTTTHDKD. Chi phí GVHB năm 2022 và 2023 giảm dần qua các năm, cụ thể: năm 2022 GVHB giảm 46.665 triệu đồng so với năm 2021 tỷ lệ giảm 5% và năm 2023 giảm 420.265 triệu đồng và tỷ lệ giảm 42% so với năm 2022. Ta có thể thấy việc GVHB giảm 42% ở năm 2023 đã thể hiện được khả năng quản lý chi phí sản xuất kinh doanh của công ty và cũng một phần về giá nguyên liệu đầu vào giảm. So về tỷ trọng giữ giá vốn hàng bán trên cho doanh thu thuần 2022 là 102% và 2023 là 79,86% tỷ lệ này cho thấy được khả năng quản lý chi phí GVHB của công ty ở năm 2023 có phần vượt trội và hiệu quả. Nhìn chung năm 2023 với sự biến động về thị trường quốc tế nên các hoạt động kinh doanh mua bán

đều gặp khó khăn và doanh thu của công ty ở năm này giảm 25% với năm 2022 nên kéo theo giá vốn giảm tuy nhiên tỷ lệ giá vốn trên doanh thu ở mức 79,86%, ở mức chi phí sản xuất này cho thấy khả năng quản lý chi phí tốt của ban cán bộ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế (LNST): với diễn biến thị trường trong giai đoạn suy thoái và phục hồi từ năm 2021-2023 thì lợi nhuận sau thuế của Posco E&C Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn và bất lợi trong việc sử dụng vốn để sản xuất kinh doanh để tạo ra lợi nhuận. Kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh và thu về lợi nhuận từ bảng 2.2 của Posco E&C Việt Nam cho thấy sự khập khiễng qua từng năm. Năm 2021 LNST âm 124.580 triệu đồng, năm 2022 LNST 29.468 triệu đồng cuối cùng 2023 dương 119.961 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế ở ba năm có sự chuyển biến mạnh mẽ như sau:

– Nguyên nhân chủ yếu của vấn đề này ở năm 2021 chi phí GVHB tỷ lệ 109% doanh thu, tình hình đầu vào giá thép thô tăng mạnh từ sau đại dịch Covid dẫn đến gia tăng chi phí, nên ở năm 2021 LNST của công ty âm 124.580 triệu đồng.

– Năm 2022 LNST dương 29.468 triệu đồng, nhìn chung tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu vẫn gấp 102% so với doanh thu nhưng lí do con số này ở mức dương 29.468 triệu đồng vì các khoản chi phí dự phòng nợ khó đòi được hoàn nhập nên trong năm 2022 LNST được tăng trưởng mạnh.

– Năm 2023 là một năm đột phá của công ty LNST đạt 119.961 triệu đồng. Yếu tố thứ nhất xét về mặt doanh thu và GVHB mặt dù doanh thu năm này giảm so với 2021 và 2022 khoảng 42% nhưng bù lại giá nguyên liệu đầu vào ở năm 2023 cũng giảm mạnh GVHB chỉ đạt 79,86% của doanh thu, so với hai năm còn lại thì đây là một bước tiến mới của công ty về quản lý chi phí sản xuất nên LNST ở năm này tăng đột biến 307% so với năm 2022.

Tài sản ngắn hạn (TSNH) nhìn chung ở năm 2021 đến 2023 đang có xu hướng giảm dần:

Bảng 2-2: Tình hình tài sản ngắn hạn của Công ty

(ĐVT: Triệu đồng)

	2021	2022	2023
Tài sản ngắn hạn	1.080.515	929.420	867.053
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.517	36.353	117.917
Đầu tư tài chính ngắn hạn	125.000	160.000	212.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	733.414	617.117	486.432
Hàng tồn kho	149.403	56.159	34.688
Tài sản ngắn hạn khác	48.181	59.789	16.016
Nợ phải trả ngắn hạn	1.348.130	1.154.131	959.435
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>825.120</i>	<i>856.080</i>	<i>756.400</i>

Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty Posco E&C Việt Nam

Theo như bảng 2.3 thì TSNH công ty giảm qua các năm, với tình huống này sẽ có hai điều cần nói đến:

– Khoản tiền mặt và khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng: ở phần này có xu hướng tăng lên vì nguyên nhân là công ty thực hiện xiết chặt tín dụng thương mại nên các khoản phải thu ngắn hạn giảm điều này cũng tương đối tốt cho doanh nghiệp thu hồi nợ để tiếp tục sản xuất và kinh doanh duy trì hoạt động của DN.

– Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn gia tăng qua các năm cũng có thể thấy rằng doanh nghiệp đang thực hiện sử dụng tiền để đầu tư vào các khoản ngắn hạn để đối phó với thị trường lãi suất vay nợ của công ty nhằm để tạo ra lợi nhuận chi trả cho các khoản chi phí phải trả.

– Các khoản như : phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho, tài sản ngắn hạn khác. Các khoản này lần lượt giảm qua từng năm kết hợp với doanh thu cũng giảm qua từng năm điều này cho thấy Công ty đang gặp vấn đề về quy mô hoạt động đang bị thu hẹp lại bởi ảnh hưởng từ thị trường lãi suất và cạnh tranh về giá.

– Điều đáng chú ý ở đây là vấn đề về thanh khoản khi chỉ số nợ ngắn hạn chiếm ~124% TSNH hiện có và chiếm ~111% tổng tài sản của Công ty ở năm 2021 vấn đề này cho thấy rủi ro về mất khả năng thanh toán ngắn hạn và đang ở mức rất nghiêm trọng.

Như vậy phần tài sản ngắn hạn đang có xu hướng giảm, xét về yếu tố thị trường thì điều này đang phản ánh đúng với thị trường ở giai đoạn nghiên cứu, và cán bộ quản lý đang thực hiện khá tốt trong công tác xiết chặt tín dụng thương mại và hàng tồn kho, tăng cường các khoản đầu tư ngắn hạn nhằm tạo ra lợi nhuận để bù đắp cho chi phí ở giai đoạn này.

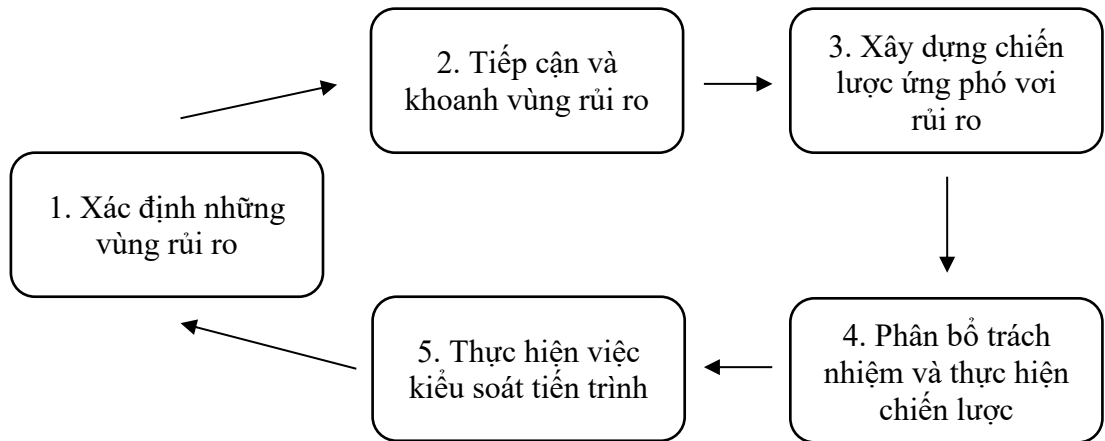
Nợ phải trả ngắn hạn: Năm 2022 giảm 14% sơ với năm 2021 tương đương với 194.045 triệu đồng, ở năm này công ty đã thanh toán hàng hóa cho khách hàng ở khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn nên giảm 14% nợ phải trả, năm 2023 giảm 17% tương đương với 194.694 triệu đồng so với năm 2022, năm 2023 Công ty thực hiện trả nợ vay 100.000 triệu đồng và các khoản nợ phải trả khác đồng giảm.

Tính tăng trưởng: Qua các năm về doanh thu có phần sụt giảm nhưng LNST gia tăng và các khoản nợ phải thu giảm qua từng năm cho thấy rằng: tình hình kinh doanh đang có xu hướng sụt giảm. Năm 2022 tăng trưởng LNST 124% phụ thuộc vào các khoản dự phòng nợ khó đòi được hoàn lại vì GVHB năm này là 102%/Tổng doanh thu nên LNST từ khoản hoạt động kinh doanh là không thể. Năm 2023 giá nguyên liệu đầu vào giảm mạnh vì cạnh tranh thị trường và DT cũng giảm theo nhưng lợi nhuận sau thuế năm 2023 tăng bức phá 307% so với năm 2022. Nếu kéo dài hiện trạng này trong thời gian tới thì công ty sẽ gặp vấn đề thị phần cạnh tranh và ảnh hưởng đến doanh thu và ảnh hưởng đến dòng tiền hoạt động của DN.

Như vậy, với biến động của thị trường trong giai đoạn này mang lại khá nhiều bất lợi cho công ty, sự biến động về thị trường đã làm cho DT của Công ty qua các năm giảm đi. Giá thép đã làm cho doanh thu giảm đi tăng chi phí giá vốn ảnh hưởng đến LNST ở năm 2021 âm 124.508 triệu đồng, tuy nhiên năm 2022 và năm 2023 đã có những chuyển biến cả về quản lý chi phí và giá nguyên liệu đầu vào giảm nên LNST đạt lần lượt ở mức 29.468 và 119.461 triệu đồng, LNST trong ba năm tăng trưởng khá tốt, nhưng chỉ thật sự tốt khi giá thép nguyên liệu đầu vào giảm ở năm 2023. Nhưng cũng cần lưu ý vấn đề về thanh khoản đối với khoản nợ ngắn hạn so với tài sản ngắn hạn là quá gần nhau nên Công ty đang đối mặt với khả năng về mất thanh khoản.

2.3 Phân tích thực trạng quản trị rủi ro Tài chính tại Công ty Posco E&C Việt Nam

2.3.1 Đánh giá quy trình quản lý rủi ro Tài chính tại Công ty Posco E&C Việt Nam



Nguồn: Điều lệ của Công ty

Sơ đồ 2-3: Quy trình quản trị rủi ro tài chính tại Công ty Posco E&C Việt Nam

Quy trình quản trị rủi ro tại Công ty Posco E&C Việt Nam được tổ chức khá chặt chẽ mang tính đảm bảo cao. Hệ thống kiểm soát nhằm phát hiện kịp thời và đưa ra các giải pháp cân bằng nhằm tránh gây ra thiệt hại cho Công ty.

Các rủi ro về tỷ giá và giá, lãi suất do ảnh hưởng từ thị trường là một trong những rủi ro hiện hữu ảnh hưởng đến công ty.

Công ty đang chịu ảnh hưởng từ tỷ giá do Công ty đang có khoản vay ngắn hạn từ nước ngoài bằng đồng ngoại tệ USD, thị trường tỷ giá từ năm 2021 đến năm 2023 có sự biến động nên đang chịu khoản lỗ tỷ giá và các hoạt động mua và bán USD cũng đang gây ra các khoản lỗ tỷ giá.

Bảng 2-3: Chi phí tài chính 2021-2023

(ĐVT: Triệu đồng)

	2021	2022	2023
<i>Lỗ chênh lệch từ hoạt động mua bán USD</i>	7.731	38.335	33.786
<i>Lãi vay</i>	19.999	29.535	56.063
Tổng chi phí tài chính	27.730	67.870	89.849

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021-2023

Thị trường lãi suất và tỷ giá ngày càng tăng cao, với khoản vay ngắn hạn bằng USD không đổi với lãi suất thả nổi và các giao dịch mua bán đồng USD thì công ty đang chịu rủi ro về lãi suất và tỷ giá tăng dần theo từng năm từ 2021 đến năm 2023.

Rủi ro về tín dụng:

- Rủi ro tín dụng tại công ty là một trong những rủi ro nghiêm trọng nhất tại công ty.

+ Đối với các khoản thu khách hàng: Với mô hình kinh doanh là công ty Sản xuất nên Công ty thường mua nguyên vật liệu để sản xuất và bán cho KH nhưng không có gì xảy ra về tín dụng nếu KH trả nợ đúng hạn. Các khoản thu ngắn hạn của KH gia tăng nên dẫn đến tình trạng thanh khoản không đồng đều qua các kì. Chẳng hạn Công ty bỏ ra 100 đồng để sản xuất và bán đi nhưng KH chỉ trả 30 đồng nợ lại 70 đồng, vậy thì vấn đề ở đây đã xuất hiện, công ty thiếu hụt tiền để chi trả cho chi phí hoạt động và sử dụng đòn bẩy tài chính vay tiền từ các tổ chức để đảm bảo thanh khoản thì từ đó sẽ gia tăng thêm các chi phí tài chính làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

+ Khoản vay: với các khoản vay từ nước ngoài công ty đang sử dụng thì cũng hết sức là rủi ro khi thị trường biến động mạnh và đặc biệt tỷ giá và lãi suất.

Khảo sát nhận diện thực trạng rủi ro tài chính tại Posco E&C Việt Nam:

Để biết được thực tế quản trị rủi ro tại Công ty Posco E&C Việt Nam, tác giả đã thiết kế một phiếu khảo sát về tình hình quản trị rủi ro tài chính tại Công ty Posco E&C Việt Nam ở phụ lục 1. Đối tượng khảo sát ở đây là ban lãnh đạo và cán bộ quản lý đang làm việc tại các bộ phận như: Kế toán – Tài chính, Phòng hành chính, phòng kinh doanh... Và những thông tin khảo sát dưới đây là hoàn toàn từ cán bộ quản lý tại công ty mà tác giả có khoảng thời gian thực tập và làm việc tại Posco E&C Việt Nam. Và với số phiếu thu về là 40 phiếu tương ứng với tổng số phiếu mà tác giả đã gửi đi.

Sau quá trình khảo sát thì 100% các đối tượng điều tra được hỏi và đều đưa ra ý kiến rằng: doanh nghiệp đang thực hiện quản trị rủi ro tài chính (câu 5) với 4 nội dung chính: Nhận diện, đo lường, đánh giá và xử lý rủi ro tài chính.

Bảng 2-4: Câu hỏi khảo sát câu 5 tại phụ lục 1

Câu 5 :Công ty đang áp dụng nội dung nào cho quy trình quản trị rủi ro tài chính		
Chỉ tiêu	Khảo sát 40 người	Mức độ %
Nhận diện RRTC	40	100%
Đo lường RRTC	40	100%
Đánh giá RRTC	40	100%
Xử lý RRTC	40	100%
Ý kiến khác	0	0%

Nguồn: Số liệu xử lý kết quả

Qua kết quả khảo sát cho thấy Công ty đang thực hiện các nội dung: Chặt chẽ và đầy đủ, mang tính thuyết phục.

2.3.2 Nhận diện rủi ro tài chính tại Công ty Posco E&C Việt Nam

Theo khảo sát mà tác giả đã thực hiện và thu thập từ các nhà quản lý của Công ty trả lời về thực trạng doanh nghiệp đã và đang gặp phải những rủi ro trong câu hỏi số 7 trong phiếu khảo sát:

Bảng 2-5: Các rủi ro tài chính doanh nghiệp đang gặp phải

Rủi ro tài chính tại doanh nghiệp	Số lượng người	Tỷ lệ %
(1)Rủi ro thị trường (lãi suất, tỷ giá, biến động giá)	36	90%
(2)Rủi ro thương mại	28	70%
(3)Rủi ro thanh khoản	36	90%
(4)Rủi ro về đoàn bầy tài chính	36	90%

Nguồn: Số liệu xử lý kết quả

Qua bảng khảo sát có 90% người được khảo sát cho rằng Công ty đang gặp rủi ro về:

- + Rủi ro về thị trường: rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và biến động giá
- + Rủi về thanh khoản: khả năng trả nợ khi đến hạn và các vấn đề phát sinh
- + Rủi đoàn bầy tài chính: tỷ trọng nợ sắp si bằng tài sản và nguồn vốn

Tiếp theo là nghiên cứu về các phương pháp mà Công ty đang sử dụng cho việc nhận diện rủi ro tài chính ở câu hỏi khảo sát số 8.

Bảng 2-6: Kết quả khảo sát các phương pháp nhận diện rủi ro tài chính của doanh nghiệp

Biện pháp	Mức độ thực hiện							
	Không sử dụng		Ít (1 lần/ năm)		Trung bình (6 tháng/lần)		Thường xuyên	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Sử dụng ý kiến chuyên gia	24	70%	4	10%	8	10%	4	10%
Phân tích tài chính doanh nghiệp định kỳ	0	0%	4	10%	10	25%	26	65%
Xây dựng mô hình dự báo RRTC	32	80%	4	10%	2	5%	2	5%

Nguồn: số liệu xử lý kết quả khảo sát

Kết quả cho thấy được phương pháp chính mà công ty đang sử dụng để nhận diện rủi ro tài chính đó là phân tích tài chính doanh nghiệp định kỳ. Ở phương pháp này có tới 65% (26 người) xác định rằng Công ty đang sử dụng phương pháp trên với mức độ thường xuyên và các phương pháp còn lại không sử dụng và ít sử dụng với mức độ 6 tháng đến 1 năm một lần. Với phương pháp trên thì cũng áp dụng câu hỏi khảo sát các chỉ số tài chính mà Công ty sử dụng để nhận diện các rủi ro tiềm ẩn của Công ty qua câu hỏi số 9 ở phụ lục 1:

Bảng 2-7: Kết quả khảo sát về chỉ số tài chính mà Doanh nghiệp dùng để nhận diện rủi ro tài chính

Biện pháp	Mức độ thực hiện							
	Không sử dụng		Ít (1 lần/năm)		Trung bình (6 tháng/lần)		Thường xuyên	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
(1)Hệ số nợ gia tăng	2	5%	2	5%	12	30%	24	60%
(2)Khó khăn trong thu hồi các khoản nợ	0	0%	2	5%	14	35%	24	60%
(3)Khó khăn trong thanh toán nợ ngắn hạn	2	5%	4	10%	8	20%	26	65%
(4)Khó khăn khi thanh toán nợ gốc ngắn hạn	0	0%	6	15%	8	20%	26	65%
(5)Các chỉ số thanh toán sụt giảm	2	10%	2	10%	8	20%	24	60%
(6)Hiệu quả hoạt động sụt giảm	0	0%	4	10%	16	40%	20	50%

Nguồn: Xử lý kết quả điều tra

Công ty đang áp dụng phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp ở mức độ thường xuyên dựa trên các số liệu tài chính trên cơ sở kinh nghiệm và tình hình hoạt động của DN và sau đó nhà quản trị sẽ đưa ra những đánh giá sơ bộ về tình hình rủi ro so với những diễn biến và biến động trong số liệu của DN. Điều này cũng cho thấy tính chủ động trong việc nhận diện rủi ro tài chính tại Công ty.

Tuy nhiên, dưới góc độ các phương pháp nhận diện rủi ro tài chính thì Công ty đang không sử dụng lấy ý kiến từ chuyên gia, qua khảo sát cho thấy chỉ có 10% ở mức sử dụng 6 tháng/ lần và thường xuyên, 70% là không sử dụng 10% là ít sử dụng. Với phương pháp sử dụng ý kiến từ chuyên gia việc nhận diện rủi ro tài chính sẽ bao quát hơn bởi theo mô hình SWOT được các các nhà quản trị sử dụng rộng rãi sẽ đưa ra báo cáo bao quát hơn về tất cả các yếu tố về điểm mạnh – điểm yếu - thách thức – cơ hội đã xảy ra trong thời gian qua và sắp tới trong tương lai. Về tính cơ bản thì đây là một phương pháp nhận diện RRTC nền tảng cho một doanh nghiệp quản trị rủi ro, nhưng theo khảo sát thì Công ty đang không sử dụng phương pháp này.

Và ngoài ra xây dựng mô hình dự RRTC cũng là một mô hình mang tính chính xác cao nhưng qua khảo sát đa số các DN không sử dụng đến phương pháp này và Công ty Posco E&C Việt Nam cũng không ngoại lệ, bởi tính phức tạp về thu thập thông tin và đòi hỏi cán bộ nhân viên có tính chuyên môn cao nên các DN thường né tránh cách phân tích theo cách định lượng để phân tích RRTC trong đơn vị.

Qua câu hỏi khảo sát về các chỉ số mà doanh nghiệp dùng để phân tích thì cả 6 chỉ số trên đều chiếm trên 50% cán bộ nhân viên trên mỗi câu hỏi, cho rằng đang sử dụng để phân tích nhận diện rủi ro.

a) Thực trạng nhận diện về rủi ro về thị trường

Rủi ro về thị trường là một trong những tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty chiếm 90% được khảo sát từ các phòng ban quản lí trong Công ty. Thực trạng về rủi ro thị trường đang ảnh hưởng trực tiếp đến công ty bao gồm:

- *Rủi ro tỷ giá*

Với hoạt động vay vốn USD và thanh toán hàng hóa cho các đối tác quốc tế thì sự biến động của tỷ giá tăng gây nên ảnh hưởng lớn đến Công ty:

Bảng 2-8: Khoản lỗ tỷ giá từ chi phí tài chính

Năm	2021	2022	2023
Tỷ giá trung bình (VND)	22.920	23.780	24.400
Khoản vay (Triệu USD)	36	36	31
Giá trị chuyển đổi (Triệu đồng)	825.120	856.080	756.400
Lỗ tỷ giá (Triệu đồng)	7.731	38.335	33.786
<i>Lỗ tỷ giá từ khoản vay (Triệu đồng)</i>	<i>5.235</i>	<i>30.960</i>	<i>22.220</i>
<i>Lỗ từ hoạt động bán (Triệu đồng)</i>	<i>2.496</i>	<i>7.375</i>	<i>11.566</i>

Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty

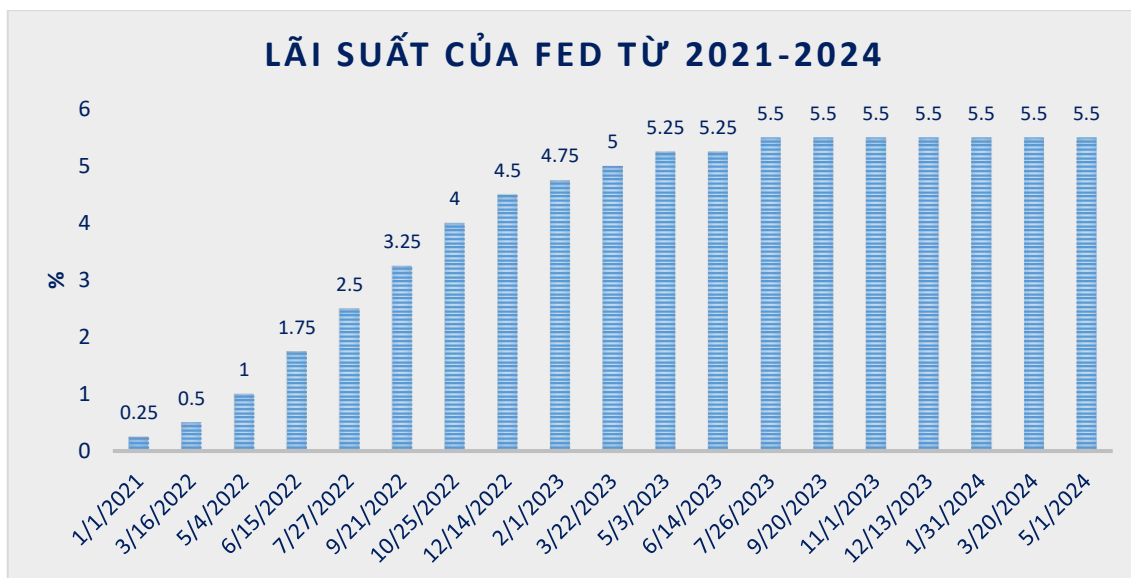
Qua bảng 2.8 ta có thể thấy tỷ giá qua các năm tăng dần điều này gây ra phần chi phí tài chính của Công ty Posco E&C Việt Nam gia tăng và cụ thể đó là tác động lên khoản vay USD. Tỷ giá qua các năm tăng dần nên việc khoản phải trả cũng tỷ lệ thuận theo tỷ giá. Năm 2022 tỷ giá tăng mạnh 860 đồng so với năm 2021 nên khoản lỗ tỷ giá cũng gia tăng mạnh lên 30.960 triệu đồng, tăng 25.725 triệu đồng so với năm 2021. Năm 2023 mặc dù đã trả 5 triệu USD nhưng tỷ giá vẫn tăng cao nên ở năm 2023 khoản lỗ tỷ giá từ hoạt động vay ở mức 22.220 triệu đồng.

Và các khoản chi phí chênh lệch phát sinh giao dịch mua ngoại tệ để thanh toán cho các đối tác cũng tăng lần lượt qua từng năm 2021 ở mức 2.496 triệu đồng, năm 2022 ở mức 7.375 triệu đồng tăng 195% khi tỷ giá tăng 860 đồng tương đương với 3,7% so với năm 2021. Năm 2023 ở mức 11.566 triệu đồng.

Nhìn chung khi tỷ giá tăng có ảnh hưởng và làm tăng chi phí tài chính giảm lợi nhuận của Công ty Posco E&C Việt Nam.

- *Rủi ro về lãi suất*

Như trên thì Công ty đang có khoản vay nước ngoài với hợp đồng ngắn hạn lãi suất thả nổi theo thị trường 3 tháng đáo hạn một lần (theo báo cáo tài chính): năm 2022 lãi suất USD hiện hành cộng với biên độ 0,98% và năm 2023 lãi suất hiện hành cộng 1,45% . Với tình hình lãi suất USD từ năm 2021 đến 2023 có sự gia tăng mạnh nên cũng không tránh khỏi chi phí lãi vay tăng cao qua các năm:



Biểu đồ 2-2: Lãi suất USD giai đoạn 2021-2024

Nguồn: Investing.com

Bảng 2-9: Chi phí tài chính qua từ 2021-2023

	2021	2022	2023
Khoản vay (Triệu USD)	36	36	31
Chi phí tài chính (Triệu đồng)	27.730	67.870	89.849
Lãi vay (Triệu đồng)	19.999	29.535	56.063
Lỗ tỷ giá (Triệu đồng)	7.731	38.335	33.786

Nguồn: Báo cáo tài chính 2021-2023

Ở giai đoạn này lãi suất thị trường USD từ năm 2021 ở mức 0.25%/năm, năm 2022 ở quanh mức 4,5%/năm, năm 2023 là 5.5%/năm. Lãi suất tăng mạnh qua từng năm nên dẫn đến chi phí lãi vay cũng tỷ lệ thuận. Ở năm 2023 mặc dù đã trả bớt đi 5 triệu USD (nhưng không biết vào thời điểm nào) nhưng các tổ chức tín dụng nới rộng biên độ lãi suất lên 1,45% và lãi suất USD tăng từ 4,5% lên 5,5%, nên ở năm 2023 chi phí cho lãi vay khá cao ở mức 56.063 triệu đồng cao nhất ở các năm. Nguyên nhân dẫn đến lãi suất tăng cao vì: công ty đang vay nợ USD và USD được điều hành bởi nền kinh tế Mỹ, giai đoạn 2021 đến 2023 chỉ số lạm phát của Mỹ xu hướng tăng nên dẫn đến tình trạng thắt chặt tiền tệ nhằm kìm chế lạm phát.

Ngoài ra lãi suất cũng là một yếu tố qua trọng ảnh hưởng đến DT của Công ty: hoạt động kinh doanh và chi phí tài chính gia tăng đã được chỉ rõ ở trên. Ảnh hưởng về doanh thu, khi lãi suất tăng lên thì các tổ chức muốn tăng cường quy mô mở rộng

kinh doanh thì phải chịu khoản chi phí về khoản vay cao hơn, nên điều này cũng là nguyên nhân dẫn đến doanh thu từ giai đoạn 2021 đến 2023 xu hướng giảm dần.

Tóm lại tỷ giá và lãi suất là hai yếu tố làm hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh và lợi nhuận ròng của Công ty khá lớn.

- Rủi ro do biến động thị trường giá thép

Bảng 2-10: Diễn biến giá thị trường thép giai đoạn 2021-2023

Thép	Năm 2021 (USD/tấn)	Năm 2022 (USD/tấn)	Năm 2023 (USD/tấn)	Nguyên nhân Biến động
Thép cuộn cán nóng (HRC)	900 - 1,200	700 - 1,000	600 - 900	<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu phục hồi: Sau đại dịch COVID-19, nhu cầu tăng mạnh. - Gián đoạn chuỗi cung ứng: Vấn đề cung cấp nguyên liệu. - Giá nguyên liệu đầu vào: Tăng cao do nguồn cung bị gián đoạn. - Điều chỉnh giá: Hạ nhiệt sau đợt tăng mạnh, điều chỉnh cung cầu và chính sách.
Thép thanh (Rebar)	700 - 1,000	600 - 900	500 - 800	<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu xây dựng: Tăng cao trong giai đoạn phục hồi kinh tế. - Sự điều chỉnh giá: Theo sát biến động giá thép cuộn cán nóng. - Chi phí sản xuất: Ổn định hơn khi cung cấp nguyên liệu được cải thiện.

Thép cán nguội (CRC)	1,000 - 1,400	900 - 1,200	800 - 1,100	<ul style="list-style-type: none"> - Nhu cầu tiêu dùng: Tăng do phục hồi trong ngành sản xuất và tiêu dùng. - Chi phí sản xuất và vận chuyển: Ổn định hơn sau thời kỳ khủng hoảng. - Sự điều chỉnh: Phản ánh xu hướng chung của thị trường thép.
----------------------	---------------	-------------	-------------	---

Nguồn: Investing.com

Nguyên nhân biến động giá

Năm 2021:

- *Khôi phục Kinh tế:* Sau sự suy giảm trong năm 2020, các nền kinh tế toàn cầu bắt đầu phục hồi, dẫn đến sự gia tăng nhu cầu thép.

- *Gián đoạn Chuỗi Cung ứng:* COVID-19 đã gây ra sự gián đoạn lớn trong chuỗi cung ứng, bao gồm sự thiếu hụt nguyên liệu đầu vào như quặng sắt và than cốc, làm tăng giá thép.

- *Giá Nguyên liệu Đầu vào:* Tăng cao do khó khăn trong việc khai thác và vận chuyển nguyên liệu.

Năm 2022:

- *Điều chỉnh Giá:* Sau đợt tăng giá mạnh vào năm 2021, thị trường thép đã có dấu hiệu ổn định và điều chỉnh giá.

- *Sự Thay đổi Chính sách:* Trung Quốc, nhà sản xuất thép lớn nhất, đã thực hiện các biện pháp để giảm sản lượng nhằm đạt mục tiêu môi trường, ảnh hưởng đến cung cấp toàn cầu.

- *Sự Tăng trưởng Chậm lại:* Nền kinh tế toàn cầu chứng kiến sự tăng trưởng chậm lại, dẫn đến nhu cầu thép không tăng nhanh như trước.

Năm 2023:

- *Tăng cường Đầu tư Cơ sở hạ tầng:* Nhu cầu thép được hỗ trợ bởi các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và năng lượng xanh, giúp ổn định giá thép.

– *Tình hình Kinh tế và Chính trị*: Các yếu tố kinh tế và chính trị toàn cầu, bao gồm lạm phát, lãi suất, và bất ổn chính trị, có thể ảnh hưởng đến giá thép và sự ổn định của thị trường.

– *Chuyển đổi Ngành Thép*: Sự chuyển đổi hướng đến thép xanh và công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí sản xuất và vận chuyển.

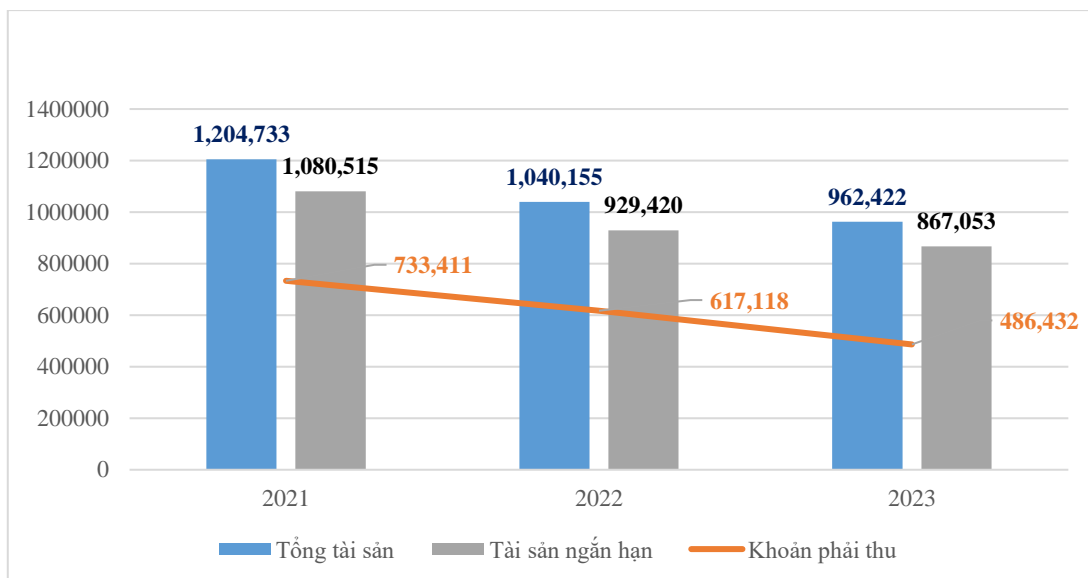
➤ Giá thép biến động giảm qua từng năm điều này cũng được thể hiện rõ ở *bảng 2.1* được thể hiện qua GVHB giảm dần qua các năm và ở năm 2023 giá vốn hàng bán giảm 42% phần trăm so với năm 2022, xét về tỷ trọng của GVHB/DT của năm 2022 và 2023 thì năm 2022 GVHB đạt 102% trên doanh thu và năm 2023 đạt 79,86% so với doanh thu. Cho thấy rằng, giá thép thị trường qua các năm ở *bảng 2.10* giảm dần thì cũng phản ứng rõ rệt lên chi phí GVHB của công ty.

- *Rủi ro khác*

Ngoài các rủi ro trên thì Công ty cũng có thể đối mặt với các rủi ro bất khả kháng như: lũ lụt thiên tai, con người... các yếu tố này có thể làm ảnh hưởng và thiệt hại về tài sản và danh tiếng của Công ty. Ví dụ như: vì vị trí của Công ty nằm ở vị trí dễ ngập nước hoặc gần các hồ chứa, thì nguy cơ dẫn đến thiệt hại về tài sản và sự chậm trễ trong tiến độ sản xuất hàng hóa là điều hiển nhiên.

b) *Thực trạng nhận diện rủi ro tín dụng thương mại*

Rủi ro tín dụng trong doanh nghiệp sản xuất thép là nguy cơ rủi ro tài chính từ việc các khách hàng hoặc đối tác không thanh toán các khoản nợ hoặc hóa đơn theo các điều khoản đã thỏa thuận, ảnh hưởng đến dòng tiền và hoạt động của doanh nghiệp. Việc quản lý rủi ro tín dụng là quan trọng để đảm bảo hoạt động ổn định và tài chính bền vững cho doanh nghiệp. Theo như khảo sát điều tra ở *bảng 2.5* và *bảng 2.7* thì cán bộ quản lý của Công ty đều tham gia trả lời DN đang gặp phải khó khăn lớn trong việc thu hồi các khoản nợ từ khách hàng. Rõ ràng DN đang gặp phải vấn đề về quản trị các khoản phải thu từ khách hàng từ đó ảnh hưởng đến hoạt động thu hồi nợ dẫn đến khả năng thanh toán bị mất cân bằng và hiệu suất của DN hoạt động.



Biểu đồ 2-3: Tình hình biến động các khoản phải thu gia đoạn 2021-2023

Nguồn: Báo cáo tài chính 2021-2023

Tình hình các khoản phải thu ở Công ty đang phản ánh lên về vấn đề về tín dụng và nguồn vốn để duy trì hoạt động của Công ty. Thống kê tỷ trọng như sau:

Bảng 2-11: Tỷ trọng các khoản phải thu so với tổng tài sản và tài sản ngắn hạn

(ĐVT: Triệu đồng)

	2021	2022	2023
Tổng tài sản	1.204.733	1.040.155	962.422
Tài sản ngắn hạn	1.080.515	929.420	867.053
Khoản phải thu	733.411	617.118	486.432
Tỷ lệ với TSS	60.88%	59.33%	50.54%
Tỷ lệ với TSNH	67.88%	66.40%	56.10%
Tốc độ giảm khoản phải thu	-	18.84%	26.87%
Tốc độ giảm của TTS	-	15.82%	8.08%

Nguồn: Xử lý số liệu từ báo cáo tài chính Posco E&C Việt Nam

Các khoản phải thu đang chiếm tỷ trọng rất cao, như ở năm 2021 tỷ lệ khoản phải thu cao ở mức 60,88% so với tổng tài sản và 67,88% so với tài sản ngắn hạn và qua các năm có xu hướng giảm đi, có thể Công ty đang thực hiện xiết chặt tín dụng thương mại rất tốt giảm dần qua từng năm, nhưng ở năm 2023 KPT so với TTS đang chiếm ở mức 50.54% con số này tương đối lớn. Tỷ trọng các khoản phải thu Công ty đang duy trì ở mức rất cao tất cả các năm đều trên 50% tổng tài sản điều này đang đe dọa về nguy cơ đối mặt với thanh khoản, mặc dù muốn mở rộng thị phần kinh doanh

và khách hàng dễ gia tăng lợi nhuận, nhưng trong khâu thu hồi nợ của khách hàng Công ty đang gặp vấn đề và quản trị chưa tốt. Việc tỷ trọng các khoản phải thu chiếm tỷ trọng cao sẽ dễ dẫn đến nguy cơ trả nợ khi đến hạn thanh toán và ngoài ra việc khách hàng trả nợ chậm so với dự kiến làm cho dòng tiền của Công ty không đáp ứng được nhu cầu sản xuất và kinh doanh nên việc này dẫn đến gia tăng các khoản chi phí tài chính ngắn hạn để bổ sung vốn duy trì hoạt động. Xét về mặt tích cực và phấn đấu trong công tác đòi nợ thì qua các năm các khoản phải thu cũng giảm xuống còn 50,54% so với TTS và 56,10% so với TSNH. So về tốc độ giảm của TTS và KPT thì KPT vẫn giảm với tốc độ nhanh hơn năm 2022 giảm 18,84% so với năm 2021 và năm 2023 giảm 26,87% so với năm 2022. Nhưng tỷ trọng trên TTS và TSNH vẫn rất cao từ đó Công ty đang gặp rủi ro về tín dụng.

c) Thực trạng khả năng thanh toán tại Công ty

Qua các phân phân tích và nhận diện trên ta cũng cũng có thể dễ dàng nhìn nhận được khả năng thanh toán của Công ty là quá thấp và cộng với khảo sát của cán bộ quản lí tại Công ty về thực trạng này ở câu hỏi số 7 ở phụ lục 1 ở bảng 2.5 có 90% cán bộ nhân viên khảo sát rằng Công ty đang gặp rủi ro về thanh khoản. Và cụ thể kết quả khảo sát ở bảng 2.7 cho thấy rằng Công ty đang gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn và nợ gốc đến hạn chiếm 65% số người điều tra và 50% số người điều tra đã cho rằng chỉ số thanh toán của DN đang có xu hướng sụt giảm qua từng năm. Tất cả những nhận định này là từ cán bộ quản lí của Công ty đang làm việc và theo dõi các hoạt động biến động các chỉ tiêu thanh toán của Công ty cung cấp.

Với tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh của DN thì tính thanh khoản của Công ty được theo dõi và đánh giá qua các chỉ tiêu như sau:

- + Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn
- + Hệ số khả năng thanh toán tức thời
- + Hệ số thanh toán nhanh
- + Hệ số khả năng thanh toán tổng quát;
- + Hệ số thanh toán lãi vay.

Trong đó 3 chỉ tiêu đầu tiên phản ánh lên khả năng chuyển đổi tài sản ngắn hạn thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn của DN. Nội dung của các hệ số thanh toán như sau:

Hệ số thanh toán ngắn hạn đo lường khả năng thanh toán nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh đánh giá khả năng thanh toán nợ ngắn hạn không tính đến hàng tồn kho.

Hệ số thanh toán tức thời mặt xác định khả năng thanh toán nợ ngắn hạn bằng tiền mặt và các khoản tương đương tiền.

Hệ số thanh toán tổng quát cung cấp cái nhìn toàn diện về khả năng thanh toán nợ bằng tổng tài sản.

Hệ số thanh toán lãi vay đánh giá việc DN thực hiện nghĩa vụ trả lãi vay dựa trên EBIT

Với cơ sở đó thì dưới đây là tình hình các hệ số thanh toán của Công ty Posco E&C Việt Nam:

Bảng 2-12: Khả năng thanh toán của Công ty Posco E&C Việt Nam 2021-2023

(Đvt: *lần*)

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	CL2022/2021		CL2023/2022	
				(+/-)	%	(+/-)	%
Tiền và các khoản tương đương tiền	24,571	36,353	117,917	11,782	48%	81,564	224%
Hàng tồn kho	149,403	56,159	34,688	(93,244)	-62.41%	(21,471)	-38%
TSNH	1,080,515	929,420	867,053	(151,095)	-13.98%	(62,367)	-7%
TTS	1,204,733	1,040,155	962,422	(164,578)	-13.66%	(77,733)	-7%
Nợ NH	1,348,176	1,154,130	959,435	(194,046)	-14.39%	(194,695)	-17%
Tổng nợ	1,348,176	1,154,130	959,435	(194,046)	-14.39%	(194,695)	-17%
LN trước	(103,138)	61,208	191,445	164,346	-159%	130,237	213%

thuế và lãi vay							
Lãi vay	19,999	29,535	56,063	9,536	48%	26,528	90%
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.801	0.805	0.904	0.004	0.5%	0.098	12.2%
Hệ số thanh toán nhanh	0.691	0.757	0.868	0.066	10%	0.111	14.7%
Hệ số thanh toán tổng quát	0.894	0.901	1.003	0.008	1%	0.102	11.3%
Hệ số thanh toán lãi vay	-5.157	2.072	3.415	7.230	-140%	1.342	64.8%

Nguồn: Xử lý dữ liệu từ báo cáo tài chính của Công ty

Bảng 2-13: Chỉ số nợ của các Công ty cùng ngành 2021- 2023

	Thép Nam Kim			Thép Thái Nguyên		
	2021	2022	2023	2021	2022	2023
TSNH	12.215.599	10.414.909	9.322.639	2.717.985	2.402.175	2.216.100
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.273	1.284	1.374	0.451	0.413	0.368
Hệ số thanh toán nhanh	0.366	0.380	0.512	0.212	0.109	0.132
Hệ số thanh toán tổng quát	1.592	1.653	1.796	1.248	1.238	1.200
Hệ số thanh toán lãi vay	11.514	0.593	1.606	2.348	1.050	-0.024

Nguồn: Cổ phiếu 68.com và được xử lý bởi tác giả

Dữ liệu ở bảng 2.13 được xử lý bởi tác giả, thể hiện khả năng thanh khoản của DN giai đoạn 2021-2023. Bước đầu nhìn nhận thì ta thấy được các chỉ tiêu đa số < 1. Vậy ta có thể ngầm hiểu, đối với 1 đồng nợ thì ta chỉ có khả năng thanh toán < 1 đồng từ đó theo bảng 2.13 thể hiện được khả năng thanh toán của công ty ở giai đoạn 2021 – 2023 đang còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, qua số liệu được xử lý thì khả năng của Công ty cũng đang có xu hướng tốt dần lên nhưng vẫn chưa ở mức an toàn như sau:

Hệ số thanh toán ngắn hạn:

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đánh giá khả năng của doanh nghiệp trong việc đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn của mình. Chỉ số này cho biết mỗi đồng nợ ngắn hạn được bảo đảm bởi bao nhiêu đồng tài sản ngắn hạn.

Nếu hệ số này lớn hơn 1, điều đó có nghĩa là doanh nghiệp có đủ tài sản ngắn hạn để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn và có khả năng chuyển đổi các tài sản này thành tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính cấp bách trong vòng một năm. Nói cách

khác, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn cho thấy mức độ đảm bảo tài chính của doanh nghiệp đối với các khoản nợ ngắn hạn dựa trên tài sản ngắn hạn có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong thời gian ngắn.

Đối với Công ty thì cả 3 năm chỉ tiêu này vẫn đang ở mức < 1. Tại thời điểm 2021 đạt 0.801 và lần lượt là 0.805 và 0.904 lần. Trong năm 2022 chỉ tiêu này tăng 0,004 lần tương đương với 0.5% so với năm 2021, một con số không ấn tượng khi NNH giảm 14.39% so với năm 2021. Năm 2023 khả năng thanh toán nợ ngắn hạn ở mức 0.904 tăng trưởng 12.2% so với năm 2022 tức là năm 2023 khả năng thanh toán ngắn hạn tốt hơn hai năm trước đó, năm này đạt ngưỡng gần 1 cũng bởi vì tình hình hoạt động kinh doanh năm này có lợi nhuận trong năm này Công ty đã trả bớt các khoản nợ ngắn hạn tương đương với giảm 17% so với năm 2022 nên chỉ số thanh toán nợ ngắn ở năm này được cải thiện so với hai năm trước đó. Tuy nhiên thì khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty vẫn chưa tốt, trong trường hợp khẩn thì tốc độ chuyển đổi từ tài sản ngắn hạn sang tiền để thanh toán cho nợ ngắn hạn vẫn đang ở mức dưới 1.

Nhìn chung, chỉ số này cả 3 năm đang có xu hướng tốt dần lên nhưng vẫn chưa vượt qua ngưỡng đảo bảo là 1. Lí do cả 3 năm thì nợ ngắn hạn đều giảm vì Công ty đang tập trung vào trả các khoản nợ và Công ty cũng đang hạn chế đầu tư vào TSNH. Khả năng đối mặt với rủi ro về thanh toán ngắn hạn đang hiện hữu đối với Posco E&C Việt Nam. Và Công ty không có nợ dài hạn.

Bảng 2-14: So sánh hệ số thanh toán ngắn hạn với các Công ty cùng ngành

Lãi vay	Thép Nam Kim			Posco E&C Việt Nam			Thép Thái Nguyên		
	2021	2022	2023	2021	2022	2023	2021	2022	2023
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.273	1.284	1.374	0.801	0.805	0.904	0.451	0.413	0.368

Nguồn: Thu thập và xử lý dữ liệu từ cổ phiếu 68.com và BCTC

Tỷ lệ thanh toán hiện hành của Thép Nam Kim tăng từ 1.273 trong năm 2021 lên 1.374 trong năm 2023.

Khả Năng Thanh Toán Tốt: Tỷ lệ thanh toán hiện hành trên 1 cho thấy công ty có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn. Mức tỷ lệ ổn định và tăng

dần qua các năm cho thấy sự cải thiện trong khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty.

Tỷ lệ thanh toán hiện hành của Posco E&C Việt Nam có xu hướng tăng từ 0.801 trong năm 2021 lên 0.904 trong năm 2023, mặc dù vẫn dưới mức 1.

Khả Năng Thanh Toán Yếu: Tỷ lệ thanh toán hiện hành dưới 1 cho thấy công ty không có đủ tài sản ngắn hạn để thanh toán toàn bộ nợ ngắn hạn. Mặc dù có sự cải thiện, tỷ lệ vẫn còn thấp, cho thấy rủi ro tài chính liên quan đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

Tỷ lệ thanh toán hiện hành của Thép Thái Nguyên giảm từ 0.451 trong năm 2021 xuống còn 0.368 trong năm 2023.

Khả Năng Thanh Toán Kém: Tỷ lệ thanh toán hiện hành dưới 1 và giảm dần qua các năm cho thấy công ty có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn rất yếu. Công ty có nguy cơ cao không đủ tài sản ngắn hạn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn.

So sánh giữa Công ty Thép Nam Kim và Thép Thái Nguyên về hệ số này thì Posco E&C Việt Nam đang chiếm ưu thế hơn so với Thái Nguyên và có sự yếu kém hơn so với Thép Nam Kim. Điều này có thể thấy thị phần cạnh tranh của Thép Nam Kim khá tốt, Posco E&C Việt Nam cũng đang dần cải thiện hệ số.

Hệ số thanh toán nhanh

Hệ số khả năng thanh toán nhanh là chỉ số tài chính dùng để đánh giá khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Nó so sánh tài sản ngắn hạn, sau khi loại trừ hàng tồn kho (do hàng tồn kho có thể không dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt trong thời gian ngắn), với tổng nợ ngắn hạn. Chỉ số này rất quan trọng trong việc đánh giá khả năng thanh toán của các Công ty thép, giúp xác định mức độ an toàn tài chính của họ trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn.

Trong ngành thép, nơi hàng tồn kho có thể chiếm tỷ trọng lớn và có thể không dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt ngay lập tức, hệ số thanh toán nhanh từ 0.5 được coi là hợp lý an toàn. Điều này cho thấy doanh nghiệp có khả năng thanh toán nợ ngắn hạn mà không phụ thuộc quá nhiều vào việc bán hàng tồn kho.

Cũng giống như thanh ngắn hạn thì chỉ tiêu này cũng xu hướng tốt dần lên, và chỉ tiêu thể hiện qua 3 năm đều lớn hơn 0.5 cụ thể, năm 2021 là 0.691 lần, năm 2022 là 0.757, năm 2023 là 0.868, tình hình này cho thấy sự ổn định ở hệ số này. Để rõ hơn

về vị thế cạnh tranh và khả năng của hệ số nay thì dưới đây là bảng so sánh giữa 3 Công ty cùng ngành:

Bảng 2-15: So sánh hệ số thanh toán nhanh giữa các Công ty ngành thép

(Đvt: Triệu đồng)

Thép Nam Kim			Posco E&C Việt Nam			Thép Thái Nguyên			
	2021	2022	2023	2021	2022	2023	2021	2022	2023
TSNH	12.21 5.599	10.41 4.909	9.322. 639	1,080, 515	929, 420	867,0 53	2.717 .985	2.402. 175	2.216. 100
Hệ số thanh toán nhanh	0.366	0.380	0.512	0.691	0.75 7	0.868	0.212	0.109	0.132

Nguồn: Thu thập và xử lý dữ liệu từ cổ phiếu 68.com và BCTC

So sánh giữa 3 Công ty cùng ngành thì đầu tiên ta thấy rằng TSNH của Thép Nam Kim lớn nhất tiếp đến là Posco E&C Việt Nam và sau cùng là Thép Thái Nguyên. Có một điểm chung là qua các năm TSNH của ba công ty đều giảm và cũng đã phản ánh đúng tình hình kinh tế thị trường. Về hệ số thanh toán nhanh mặc dù Thép Nam Kim có TSNH nhiều nhất nhưng hệ số thanh toán nhanh năm 2021 và năm 2022 lần lượt là 0.366 và 0.380 ở dưới mức đề xuất và năm 2023 ở mức 0.512. So với Posco thì hệ số này Thép Nam Kim không bằng, tuy là TNSH cao nhất nhưng có lẽ Thép Nam Kim đang có khoản hàng tồn kho khá lớn nên hệ số thanh toán nhanh của công ty này khá thấp. Về Thép Thái Nguyên thì đang ở mức kém. So về thị phần trên thị trường thì Posco E&C Việt Nam vẫn đang chiếm ưu thế tốt.

Tình hình hệ số thanh toán nhanh của công ty đang cho thấy được khả năng quản lý hàng tồn kho tốt và tuy nhiên cũng cần lưu ý về quy mô hoạt động kinh doanh cũng đang có nguy cơ bị thu hẹp. Ở hệ số này DN vẫn đang tương đối ổn, nhưng cũng cần phải cải thiện để đạt được hiệu suất hoạt động và tính thanh khoản khi diễn ra tốt nhất.

Hệ số thanh toán tổng quát

Ở hệ số này cũng tương tự như các hệ số trên vẫn tăng dần qua từng năm cụ thể: năm 2021 là 0.894 lần, năm 2022 là 0.901 lần, năm là 2023 1.003 lần. Hệ số này cao nhất trong tất cả các hệ số nêu trên bởi vì hệ số này bao quát bởi tổng tài sản trên cho tổng nợ phải trả, tuy nhiên ở năm 2021 và 2022 chỉ số này ở mức < 1 cho thấy 1 đồng

nợ thì chỉ có thể thanh toán được 0.89 đồng ở năm 2021 và 0.901 đồng ở năm 2022. Như đã trình bày thì hệ số này dưới 1 thì DN có nguy cơ phá sản cao, tuy nhiên đến thời điểm năm 2023 công ty đã cải thiện con số này lên mức 1.003. Tuy nhiên khả năng thanh toán của Công ty vẫn đang khá mạo hiểm khi chỉ vừa chạm mức tiêu chuẩn cho hệ số nợ tổng quát.

Bảng 2-16: So sánh hệ số tổng quát giữa các Công ty cùng ngành

	Thép Nam Kim			Posco E&C Việt Nam			Thép Thái Nguyên		
	2021	2022	2023	2021	2022	2023	2021	2022	2023
Hệ số thanh toán tổng quát	1.592	1.653	1.796	0.894	0.901	1.003	1.248	1.238	1.200

Nguồn: Thu thập và xử lý dữ liệu từ cổ phiếu 68.com và BCTC

Nhìn vào bảng hệ số trên thì ta có thể thấy rằng Posco E&C Việt Nam đang gặp khó khăn hơn trong hệ số thanh toán tổng quát. Mặc dù ở hệ số thanh toán nhanh thì chiếm vị thế. Và cũng có thể hiểu thị phần kinh doanh của hai DN còn lại rộng và chiếm ưu thế hơn Posco.

Khả năng thanh toán lãi vay

Sức thanh toán lãi vay của Posco E&C Việt Nam thể hiện qua bảng 2.12. Hệ số này ở năm 2021 âm (-5.157) lần vì giá vốn hàng bán của năm 2021 ở mức 108% so với doanh thu, nên cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và lãi vay âm 103.138 triệu đồng dẫn đến hệ số lãi vay ở năm này âm 5.157 lần. Tiếp đến là năm 2022 hệ số thanh toán lãi vay ở mức 2.072 lần và năm 2023 3.415 lần hai năm này chỉ số thanh toán lãi gia tăng vì lợi nhuận trước thuế và lãi cũng gia tăng. Nhưng nhìn vào bảng 2.12 thì ta thấy được chi phí lãi vay ở năm này tăng đột biến 89,81% so với năm 2022 mặc dù Công ty đã trả bớt khoản vay cho các tổ chức tín dụng. Sự gia tăng đột biến này là vì lãi suất ở năm 2023 tăng mạnh lên mức 5,5%/năm cao hơn năm 2021 và chưa cộng với biên độ theo quy định của tổ chức tín dụng. Bù lại thì lợi nhuận trước thuế trước lãi năm này đạt 191.445 triệu đồng tỷ lệ 213% so với năm 2022 điều này đã giảm nguy cơ về rủi ro thanh toán lãi trong năm 2023. So với Thép Nam Kim và Thép Thái Nguyên thì Posco E&C Việt Nam vẫn khá tốt.

Bảng 2-17: So sánh hệ số thanh toán lãi vay giữa các Công ty cùng ngành

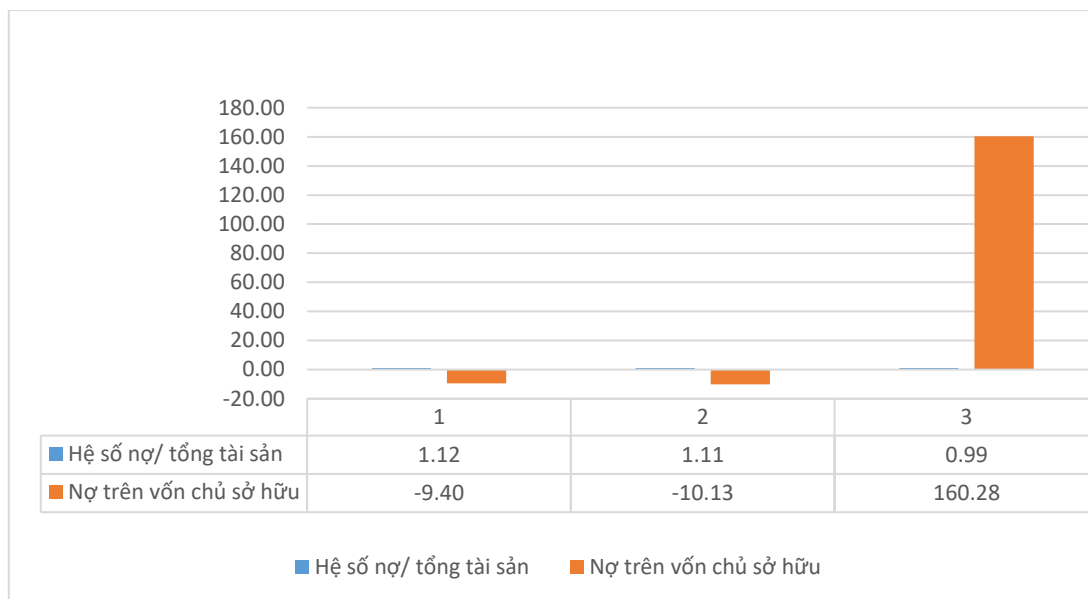
	Thép Nam Kim			Posco E&C Việt Nam			Thép Thái Nguyên		
	2021	2022	2023	2021	2022	2023	2021	2022	2023
Hệ số thanh toán lãi vay	11.514	0.593	1.606	-5.157	2.072	3.415	2.348	1.050	-0.024

Nguồn: Thu thập và xử lý dữ liệu từ cổ phiếu 68.com và BCTC

d) Thực trạng nhận diện rủi ro sử dụng vốn của Công ty

Về thực trạng này ta quay lại bảng khảo sát cán bộ quản lý tại Công ty ở bảng 2.5 câu 7.4. Có đến 90% (36 người) số cán bộ quản lý được điều tra cho rằng Công ty đang gặp rủi ro về sử dụng đòn bẩy tài chính quá cao. Xét về ngành nghề sử dụng vốn thì ngành thép là một trong những ngành có nhu cầu sử dụng vốn cao, cũng chính vì nhu cầu này để đáp ứng đủ các nhu cầu của nền kinh tế và nhu cầu của khách hàng thì các Công ty thường có xu hướng huy động vốn từ các kênh huy động vốn đa dạng và khác nhau như phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu chứng chỉ quỹ... tuy nhiên đối với Công ty Posco E&C Việt Nam thì các kênh như huy động trên không áp dụng. Công ty chỉ sử dụng vốn vay và đặc biệt hơn vốn vay mà Công ty đang thực hiện hoàn toàn 100% là vốn vay từ nước ngoài với đồng USD. Nên việc này cũng gặp rất nhiều rủi ro về tỷ giá và lãi suất khi thị trường biến động mạnh dẫn đến các bất lợi cho doanh nghiệp như đã phân tích ở trên.

Về phần nguồn vốn của Công ty xuất phát từ vốn chủ sở hữu và vốn vay. Công ty về ngành thép nên nhu cầu sử dụng vốn khá lớn để đáp ứng các hoạt động sản xuất, nên Công ty đang thiên về vốn từ vay nợ khá lớn.



Biểu đồ 2-4: Cơ cấu nguồn vốn của Posco E&C Việt Nam

Theo như dữ liệu thì cơ cấu nguồn vốn của Công ty đnag hoàn toàn phụ thuộc vào vốn vay cụ thể:

Bảng 2-18: Cơ cấu vốn Công ty Posco E&C Việt Nam

(ĐVT: Triệu đồng)

	2021	2022	2023
Tổng nguồn vốn	1.204.733	1.040.155	965.422
VCSH	(143.442)	(113.974)	5.986
Tổng nợ	1.348.176	1.154.130	959.435
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>825.125</i>	<i>856.080</i>	<i>756.400</i>
<i>Tỷ lệ vay/ tổng nợ NH</i>	<i>61.2%</i>	<i>74.2%</i>	<i>78.84%</i>
<i>Tỷ lệ nợ vay/ Tổng nguồn vốn</i>	<i>68.49%</i>	<i>82.30%</i>	<i>78.35%</i>
Nợ trên vốn chủ sở hữu	-9.40	-10.13	160.28
Tổng tài sản	1.204.733	1.040.155	965.422
Hệ số nợ/TTS	1.12	1.11	0.99

Nguồn: Xử lý dữ liệu từ báo cáo tài chính 2021-2023

Đầu tiên ta thấy được tổng nguồn vốn của Công ty giảm dần qua từng năm vì doanh thu từ hoạt động kinh doanh qua từng năm giảm và chi phí tài chính và lãi suất tăng cao nên ảnh hưởng đến nguồn vốn của Công ty và ngoài ra ở năm 2023 Công ty thực hiện trả khoản nợ vay 5 triệu USD, nên nguồn vốn công ty qua các năm giảm dần. Và trong giai đoạn này Công ty cũng không có xu hướng đầu tư thêm tài sản dài hạn hay ngắn hạn.

Vốn chủ sở hữu ở năm 2021 và năm 2022 ở mức âm, vì các năm trước hoạt động kinh doanh thua lỗ nên VCSH ở mức âm, năm 2023 lợi nhuận sau thuế Công ty đạt 119.961 triệu đồng nên VCSH năm 2023 được đưa về ở mức dương 5,985 triệu đồng.

Dựa trên dữ liệu tài chính của công ty, tác giả tính toán chỉ số nợ trên tổng tài sản cho từng năm như sau:

- *Năm 2021:*

- + Tổng nợ: 1.348.176 triệu đồng

- + Tổng tài sản: 1.204.733 triệu đồng

$$\text{Chỉ số nợ trên tổng tài sản năm 2021} = \frac{1.348.176}{1.204.733} = 1.12$$

Chỉ số này cho thấy tổng nợ của công ty lớn hơn tổng tài sản, với tỷ lệ nợ trên tài sản là 112%. Điều này cho thấy công ty đã tài trợ nhiều hơn 100% tổng tài sản của mình bằng nợ, cho thấy mức độ rủi ro tài chính cao khi các khoản nợ đáo hạn Công ty có thể mất khả năng thanh toán có thể dẫn đến nguy cơ phá sản.

- *Năm 2022:*

- + Tổng nợ: 1.154.130 triệu đồng

- + Tổng tài sản: 1.040.155 triệu đồng

$$\text{Chỉ số nợ trên tổng tài sản năm 2022} = \frac{1.154.130}{1.040.155} = 1.11$$

Chỉ số này giảm nhẹ so với năm 2021 nhưng vẫn vượt quá 100%, với tỷ lệ nợ trên tài sản là 111%. Công ty tiếp tục duy trì tỷ lệ nợ cao so với tổng tài sản, mặc dù đã giảm nhẹ.

- *Năm 2023:*

- + Tổng nợ: 959.435 triệu đồng

+ Tổng tài sản: 965.422 triệu đồng

$$\text{Chỉ số nợ trên tổng tài sản năm 2023} = \frac{959.435}{965.422} = 0.994$$

Trong năm 2023, chỉ số nợ trên tổng tài sản đã giảm xuống dưới 1, với tỷ lệ nợ trên tài sản là 99,4%. Điều này cho thấy công ty đã cải thiện đáng kể tình hình tài chính, với tổng nợ thấp hơn tổng tài sản, giảm bớt áp lực tài chính so với các năm trước.

Từ năm 2021 đến 2022:

Chỉ số nợ trên tổng tài sản giảm từ 1,119 (111,9%) xuống 1,11 (111%). Sự giảm nhẹ này cho thấy mặc dù công ty đã có nỗ lực giảm nợ, tỷ lệ nợ vẫn còn cao, cho thấy mức độ rủi ro tài chính vẫn còn lớn

Từ năm 2022 đến 2023:

Chỉ số nợ trên tổng tài sản giảm mạnh từ 1,11 (111%) xuống 0,994 (99,4%). Sự giảm này là dấu hiệu tích cực, cho thấy công ty đã làm giảm tổng nợ và cải thiện tỷ lệ tài chính, chuyển từ tình trạng nợ vượt quá tài sản sang trạng thái nợ thấp hơn tài sản.

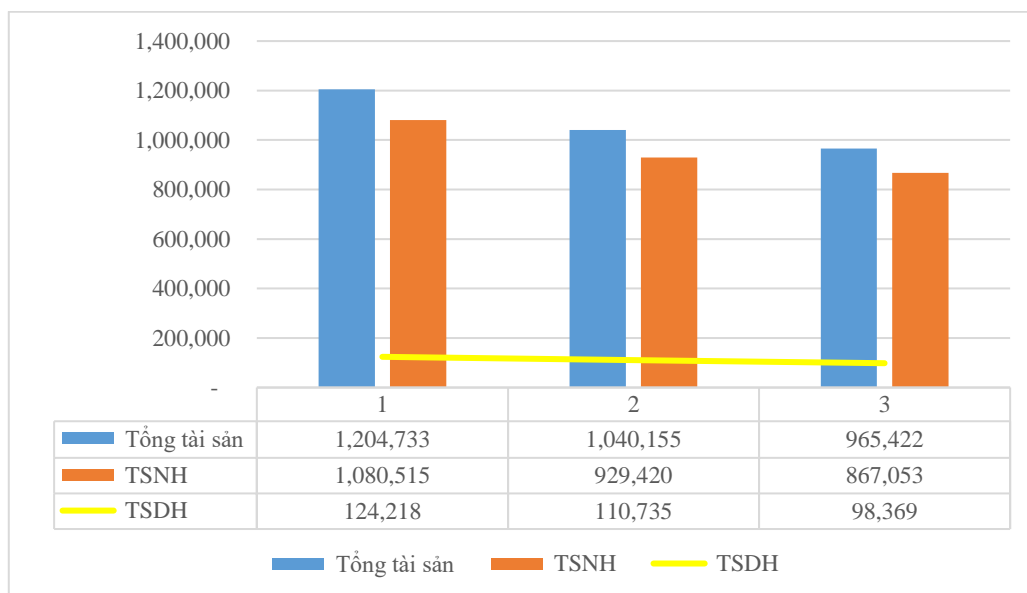
Sơ sánh tổng thể (2021-2023):

Tổng tỷ lệ nợ trên tổng tài sản giảm từ 111,9% trong năm 2021 xuống 99,4% trong năm 2023, cho thấy công ty đã có sự cải thiện rõ rệt trong việc quản lý nợ và cải thiện sức khỏe tài chính nhưng điều này vẫn hết sức là nguy hiểm đối với một doanh nghiệp. Nhìn chung các hệ số thì ba năm 2021, 2022, 2023 tất cả tài sản đều được tài trợ ~100% bằng khoản nợ.

Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2021 và 2022 đang ở mức âm 9,4% và 10,13%, trong trường hợp này cho thấy DN đang cần bổ sung vốn để đảm bảo thanh khoản và đang gặp rủi ro tài chính nghiêm trọng. Năm 2023 con số này về mức dương 160 điều này có thể hiểu rằng là cứ một đồng vốn của DN là đang nợ 160 đồng.

Tổng khoản nợ của Công ty đa phần là khoản vay ngắn hạn vì Công ty cần vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục và cũng một phần vì các khoản nợ ngắn hạn không thu được như kế hoạch nên khoản nợ của Công ty đều là các khoản ngắn hạn. Về phần tài sản dài hạn thì Công ty đã sử dụng VCSH ở thời điểm thành lập Công ty nên phần nợ dài hạn Công ty không sở hữu. Và tỷ lệ nợ vay ngắn hạn

trên tổng nợ ngắn hạn rất cao so với tổng nợ luân lượt qua các năm là: 61,2% và 74,2% và cuối cùng là 78,84%.



Biểu đồ 2-5: Cơ cấu tài sản của Công ty

Tóm lại tình hình cơ cấu vốn của Công ty đang gặp rủi ro rất nặng nề khi mà tổng tài sản đang được tài trợ ~100% bằng khoản nợ cụ thể: năm 2021 là 112%, năm 2022 là 111% và 2023 là 99% tổng nợ trên tổng tài sản, trong đó nợ vay chiếm lần lượt là 61,2% và 74,2% cuối cùng 78,84% trên cho tổng nợ. Công ty đang đối mặt với khả năng thanh toán lãi vay và nợ gốc khi đến hạn, điều này có thể dẫn đến phá sản và ngoài cũng đang tìm chế đa phát triển và lợi nhuận của Công ty rất nhiều khi mà tỷ lệ vay cao và đặc biệt tình hình kinh tế lãi suất thị trường tăng cao.

e) Nhận diện rủi ro tài chính qua khả năng sinh lời

Ở phần nhận diện rủi ro qua các chỉ số sinh lời cung khá là quan trọng đối với một DN, chỉ số này giúp chúng ta hiểu được tình hình sử dụng nguồn vốn đầu tư vào việc kinh doanh và sẽ sinh ra bao nhiêu phần trăm lợi nhuận từ vốn mà chúng ta đầu tư vào việc kinh doanh.

Chỉ tiêu ROS (Return on Sales) đo lường lợi nhuận ròng của một công ty so với doanh thu bán hàng. Đây là một chỉ số quan trọng để đánh giá khả năng sinh lợi của công ty từ doanh thu bán hàng

ROA (Return on Assets) đo lường khả năng của công ty trong việc sinh lợi từ tổng tài sản trung bình hai năm của công ty. Đây là một chỉ số quan trọng để đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của công ty.

ROE (Return on Equity) đo lường mức sinh lợi của cổ đông trên trung bình hai năm vốn chủ sở hữu của công ty. Đây là một chỉ số quan trọng để đánh giá hiệu quả của công ty trong việc tạo ra lợi nhuận cho cổ đông.

Bảng 2-19: Các chỉ tiêu tỷ suất sinh lợi của Công ty Posco E&C Việt Nam

	2021	2022	2023
ROS	-13.43%	3.14%	17.11%
ROA	-10.33%	2.62%	11.96%
ROE		-22.89%	-222%

Nguồn: Xử lý dữ liệu từ BCTC Công ty Posco E&C Việt Nam

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) tăng đều qua từng năm trong giai đoạn nghiên cứu. Năm 2021 ROS ở mức -13.34% cho thấy được rằng trung bình cứ 100 đồng từ doanh thu Công ty sẽ phải bù lỗ 13.34 đồng vì ở năm này chi phí giá vốn hàng bán ở mức 108% với doanh thu, dĩ nhiên khi mà chi phí của món đồ mình bán ra còn lớn hơn doanh thu thì dẫn đến lợi nhuận âm. Năm 2022 con số này đã được cải thiện rõ rệt, từ mức -13.43% năm 2021 thì ở năm 2022 Công ty đã vươn lên ở mức dương 3.14% mặc dù ở năm 2022 tỷ lệ GVHB/DT vẫn ở mức 102% so với doanh thu nhưng vì các khoản dự phòng được thực hiện nên ROS đạt ở mức 3.14%. Năm 2023 ở mức 17.11% một sự đột phá lớn, cứ 100 đồng doanh thu thì sẽ thu được 17.11 đồng lợi nhuận, cho thấy được sự hiệu quả trong việc quản lý chi phí của Công ty năm 2023.

Tỷ suất sinh lời của tài sản ROA

Một doanh nghiệp sử dụng vốn để kinh doanh và sử dụng tài sản hiệu quả để sinh ra lợi nhuận hiệu quả hay không thì nên dựa vào cơ sở so sánh tương quan giữa tổng tài sản mà doanh nghiệp đầu tư vào để hoạt động và sau đó sẽ thu về bao nhiêu lợi nhuận từ tài sản.

Dữ liệu từ bảng 2.17 cho thấy được ở chỉ số này cũng được cải thiện trong giai đoạn nghiên cứu. Thấp nhất là năm 2021 hệ số này thể hiện ở mức âm (-10.33%) thiện rằng khả năng sinh lợi trên TTS đang ở mức âm tức là khả năng quản lý chi phí chưa tốt dẫn đến năm này âm vốn kinh doanh. Năm 2022 là đạt ở mức 2.83%. So về tăng trưởng về mặt sử dụng tài sản để tạo ra lợi nhuận so với tốc độ tăng trưởng của lãi suất, lãi suất bình quân liên ngân hàng (năm 2021 là 0.25%, năm 2022 là 4.5% và 2023 là 5.5% - Nguồn Investing.com). Với tốc độ hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra lợi nhuận thì Công ty sử dụng vốn chưa hiệu quả, mức hiệu quả sử dụng tài sản so với phần trăm lãi suất thì chưa hiệu quả. Cao nhất là năm 2023 đạt 12.43%, năm này cho thấy rằng, mặc dù lãi suất vẫn tăng nhưng mức độ sử dụng tài sản để tạo ra lợi nhuận của Công ty rất tốt.

2.3.3 Đo lường rủi ro tài chính tại Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam

Dựa trên kết quả khảo sát về nhận diện rủi ro, đến 80% (32 cán bộ quản lý) (CBQL) ở bảng 2.6 cho biết doanh nghiệp hiện chưa triển khai mô hình chính thức để đo lường và đánh giá rủi ro tài chính. Ngược lại, chỉ có 5% số người tham gia khảo sát xác nhận rằng công ty đang áp dụng các phương pháp định lượng để đánh giá và quản lý các rủi ro tài chính có thể ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Nghiên cứu kỹ hơn về câu khảo sát được thực hiện ở câu hỏi số 10 về nội dung phương pháp đo lường đánh giá và quản trị rủi ro tài chính tại Công ty bằng các biện pháp nào?

Hiện nay, các doanh nghiệp lớn thường xác định rủi ro tài chính thông qua việc phân tích báo cáo tài chính và các hệ số tài chính. Họ nhận diện các loại rủi ro tài chính chính, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng thương mại, rủi ro thanh khoản và rủi ro đòn bẩy tài chính. Tuy nhiên, để đánh giá chính xác mức độ rủi ro và biến động của các yếu tố này, các doanh nghiệp cần sử dụng các công cụ và phương pháp cụ thể nhằm đo lường và phân tích rủi ro tài chính một cách hiệu quả.

Bảng 2-20: Các phương pháp dùng để đo lường rủi ro tài chính tại Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam

Tiêu chí	Mức độ sử dụng							
	Không		Ít sử dụng		Trung bình		Thường xuyên	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Phương pháp phân tích độ nhạy	36	90%	2	5%	2	5%	0	0%
Phương pháp độ lệch chuẩn	36	90%	2	5%	2	5%	0	0%
Phương pháp giá trị rủi ro	40	100%	0	0%	0	0%	0	0%
Phương pháp đối mặt phá sản	40	100%	0	0%	0	0%	0	0%
Khác	100%	0%	0%	0%				

Nguồn: khảo sát cán bộ nhân viên

Như vậy qua bảng khảo sát cán bộ quản lý tại Công ty phương pháp để định lượng rủi ro tài chính hầu hết tất cả cán bộ quản lý đều cho rằng Công ty không áp dụng các biện pháp đo lường trên 90-100% là không, có 10% cho rằng Công ty đang sử dụng phương pháp phân tích độ nhạy để đo lường rủi ro tài chính ở mức thường xuyên. Và nhiều phương pháp các chuyên gia đang sử dụng rộng rãi như: giá trị rủi

ro (VAR), đánh giá nguy cơ phá sản Z-score Công ty đang không đủ dụng cho việc đo lường RRTC tại Posco E&C Việt Nam.

2.3.4 Tình hình kiểm soát và xử lý rủi ro tại Công ty Posco E&C Việt Nam

Dựa trên các rủi ro đã được nhận diện, đo lường và đánh giá như rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro trong tín dụng thương mại, rủi ro thanh khoản và rủi ro giá cả thị trường và rủi ro về ban lãnh đạo. Công ty đã chủ động triển khai các biện pháp quản lý rủi ro tương ứng cho từng loại rủi ro cụ thể.

Doanh nghiệp đã sử dụng các chỉ tiêu tài chính để tính toán mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính và đánh giá sự biến động của chúng nhằm nhận diện và đo lường rủi ro đòn bẩy. Chung quy thì phương pháp này rất thực tế với tình hình của công ty, bởi các chỉ số được tính theo tài chính hiện thực của Công ty nên điều này phản ánh khá chân thật hiện trạng.

Tương tự, các chỉ tiêu khác như đánh giá rủi ro thanh khoản, rủi ro về khả năng sinh lời của tài sản và vốn chủ sở hữu đều được các nhà quản lý đánh giá là cần thiết cho việc đánh giá rủi ro.

Công ty đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa như sau: 70% cán bộ quản lý chọn biện pháp phòng ngừa đối với rủi ro tín dụng thương mại, và 90% cho rằng công ty đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro thanh toán và tỷ giá.

2.4 Đánh giá tình hình quản trị RRTC tại Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam

2.4.1 Các kết quả đạt được sau khi nhận diện RRTC

❖ *Kết quả quy trình quản trị RRTC*

Qua kết quả nghiên cứu thì công ty đã kiểm soát rủi ro thông qua chu trình khép kín và được quản lý và theo dõi rủi ro bởi ban giám đốc nhằm đảm bảo chất lượng của từng khâu quản trị. Quy trình này khá chặt chẽ nhưng vẫn chưa thực sự hiệu quả, khi nhiều yếu tố thị trường thay đổi.

❖ Các bước quản trị rủi ro

a) Nhận diện rủi ro tài chính

Công ty đã chủ động trong việc quản trị rủi ro tài chính tại Công ty phương pháp chính đó là phân tích tài chính doanh nghiệp thông qua các số liệu thực hiện qua các năm. Và các cách nhận diện và các rủi ro gặp phải cũng đã được làm rõ ở bảng 2.4 và bảng 2.5, về mức độ quan tâm RRTC của các cán bộ nhân viên cũng được khảo sát ở bảng dưới đây:

Bảng 2-21: Mức độ quan tâm về quản trị RRTC của cán bộ nhân viên tại Công ty

Câu 2: Mức độ quan tâm quản trị RRTC của Anh/Chị đối với Công ty		
Chỉ tiêu	Số lượng người	Mức độ %
1. Rất quan tâm	8	20%
2. Quan tâm	12	30%
3. Bình thường	20	50%
4. Ít quan tâm	0	0
5. Không quan tâm	0	0

Nguồn: Kết quả khảo sát

Từ bảng khảo sát ta thấy được có 100% cán bộ quan tâm về quản trị rủi ro tài chính. Mặc dù, mức độ khác nhau giữa các chỉ tiêu khảo sát: rất quan tâm chiếm (20%) và quan tâm chiếm (30%) cuối cùng là bình thường chiếm (50%). Trên thực tế tất cả các doanh nghiệp hoạt động đều quan tâm đến quản trị rủi ro tài chính và cũng tùy thuộc vào vị trí và mức độ nên sẽ cho ra những mức độ cho chỉ tiêu khác nhau. Và các nội dung các bước mà doanh nghiệp quan tâm nhằm quản trị rủi ro tài chính cũng giống nhau bao gồm: nhận diện, đo lường, kiểm soát, xử lý rủi ro tài chính. Các cán bộ đều nhận biết được tầm quan trọng của RRTC tại một doanh nghiệp và cũng nhận thức được vai trò của mỗi cá nhân tại doanh nghiệp mình đang hoạt động, nhờ vào sự chủ động đó Công ty cũng đã phát hiện ra những rủi ro tài chính mà tại DN đang gặp phải giúp doanh nghiệp bước đầu nhận diện được rủi ro và xác định các biện pháp tiếp theo để đối phó giảm thiểu rủi ro.

Rủi ro tín dụng thương mại

Qua khảo sát thì có 70% tương đương với 28 người cho rằng DN đang gặp phải rủi ro về tín dụng thương mại. Mặc dù qua các năm khoản phải thu đang giảm dần

nhưng so với tổng tài sản thì vẫn đang ở mức cao lần lượt qua các năm so với tổng tài sản là: 2021 là 60.88% và 2022 là 59.33% cuối cùng 2023 là 50.54%. Khoản phải thu giảm nhưng đang chiếm tỷ trọng rất cao so với TTS khiến cho doanh nghiệp có thể bị gia tăng chi phí tài chính khi có nhu cầu kinh doanh cần phát sinh vốn.

Rủi ro thanh khoản

Có 90% tương đương với 36 người cho rằng Công ty đang gặp rủi ro này. Trong giai đoạn nghiên cứu, Công ty đang gặp phải rủi ro về khả năng thanh khoản. Cụ thể cho thấy rằng, khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty đang ở mức dưới 1 cho đến năm 2023 hệ số này ở mức 0.904 lần, tức là tổng tài sản ngắn hạn của công ty chỉ có thanh toán được 0.904 lần số nợ. Khả năng thanh toán nợ tổng quát ở năm 2021 và 2022 vẫn ở mức dưới 1, năm 2023 chỉ tiêu này ở mức 1.003, tuy nhiên hệ số này quá mỏng manh và Công ty cũng đang đối mặt với tình trạng phá sản.

Các khoản tiền tương đương tiền ở năm 2021 và 2022 nhỏ trong tài sản ngắn hạn điều này cho thấy sự linh động sử dụng tiền của công ty, thực hiện khoản đầu tư tài chính ngắn hạn như gửi tiền giúp Công ty có thêm thu nhập từ tiền nhàn rỗi.

Nhìn chung qua phân tích, Công ty đang gặp tình trạng rủi ro về thoản khi các chỉ số đang thể hiện dưới 1 so với tổng nợ. Giả sử nếu cần phải trả nợ thì Công ty đang không có khả năng thanh toán đủ, 1 đồng thì công ty chỉ có thể thanh toán 8 đến 9 đồng khi sử dụng tổng tài sản. Posco E&C Việt Nam đang đối mặt với nguy cơ phá sản.

Rủi ro đòn bẩy tài chính

Có 90% tương đương với 36 người cho rằng Công ty đang gặp rủi ro này. Cấu trúc vốn Công ty đang thiên về sử dụng vốn vay cụ thể 3 năm : 68.49% và 82.30% và 78.35% với tỷ lệ vay nợ trên tổng nguồn vốn này trong điều kiện kinh doanh thuận lợi Công ty có thể khuếch đại vốn chủ sở hữu lên, nhưng với tình hình kinh tế xã hội trong giai đoạn nghiên cứu thì đang dẫn đến tình trạng nguy cơ đối mặt với với khả năng thanh toán khi mà không tạo ra được đủ dòng tiền để xoay ở cho các khoản phải trả, và khi thị trường có sự biến đổi mạnh về lãi suất thì Công ty với khoản vay nợ cao thì cũng đang bị ảnh hưởng về lợi nhuận khi các chi phí gia tăng, cụ thể như trên đã phân tích.

b) Hoạt động đo lường rủi ro

Doanh nghiệp đa phần là dùng phương pháp định tính để dễ dàng nhận dạng và đánh giá đo lường rủi ro một cách thực tế hơn được khảo sát và cho ra kết quả bởi các cán bộ quản lí tại Công ty. Phương pháp phức tạp hơn như định lượng Công ty hiện đang không áp dụng vì khá rắc rối và cần khá nhiều thông tin mang tính chất tương lai dự đoán nhiều đối với một doanh nghiệp vừa và nhỏ thì thực sự không phù hợp để sử dụng.

c) Hoạt động đánh giá rủi ro

Công ty đang đánh giá rủi ro qua ý kiến chuyên gia, và phần lớn việc đánh giá này cũng dựa vào kinh nghiệm làm việc để đưa ra những phân tích đánh giá dựa trên báo cáo tài chính. Đối với hoạt động này cũng khá thực tế vì nó các chỉ số sẽ phản ánh lên tình trạng của Công ty và với kinh nghiệm của các chuyên gia thì cũng sẽ có nhận định và hướng đi tương đối hơn.

d) Hoạt động kiểm soát rủi ro

Đối với gian đoạn nghiên cứu thì thị trường biến động khá mạnh nên hoạt động kiểm soát rủi ro cũng được CBNV đánh giá: rủi ro về thị trường có 90% CBNV chọn phương án này, rủi ro thanh khoản có 90%, rủi ro đoàn bầy cũng 90%.

❖ Nhóm chỉ tiêu phân tích

Tổng thể thì tổng nguồn vốn Công ty đang thiên về nợ vay 68.49% và 82.30% và 78.35% trên tổng nguồn vốn từ 2021 đến 2023. Việc sử dụng đoàn bầy tài chính cao là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến mất khả năng thanh toán cho Công ty khi mà tình hình hoạt động kinh doanh chỉ đủ chi trả cho các chi phí không có lợi nhuận. Bên cạnh đó cơ cấu tài sản ngắn hạn lớn hơn TSDH và trong đó các khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong TTS, điều này cũng đang dẫn đến rủi ro tài chính cho Công ty.

Khả năng thanh toán đang ở mức yếu dưới 1, mặc dù chỉ tiêu này tăng dần qua các năm nhưng vẫn nhỏ hơn một nên tình hình thanh khoản của Công ty đang đối mặt với mất khả năng thanh toán.

Khả năng sinh lời từ tài sản ở năm 2021 đều ở mức âm, tức là công ty phải bù lỗ chi việc kinh doanh của năm 2021. Đến năm 2022 và 2023 con số này đạt mức dương 2.83% và 12.43%, tuy nhiên năm 2022 điều này chủ yếu đến từ hoạt động hoàn nhập các khoản nợ khó đòi từ khách hàng nên con số này vẫn chưa phản ánh đúng

vượt tình hình thực tế, năm 2023 tăng trưởng 12.43% so với 2022, con số này đối chiếu với BCTC cho thấy sự tăng trưởng thực tế được thể hiện qua GVHB/DT đạt ở mức 78.85%.

❖ *Những nhân tố ảnh hưởng mạnh đến tình hình quản trị RRTC tại Công ty*

Các yếu tố bên ngoài, như tình hình kinh tế vĩ mô và quá trình hội nhập quốc tế, đã tạo ra áp lực lớn đối với thị trường xây dựng. Sự cạnh tranh từ các đối thủ có nguồn vốn dồi dào và trang thiết bị công nghệ hiện đại khiến cho hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng gặp khó khăn. Và đáng chú ý hơn là vốn vay đang chiếm tỷ trọng khá cao nên việc thị trường biến động ảnh hưởng khá lớn đến KQHDKD của Công ty. Và ngoài ra yếu tố về cạnh tranh thị trường, Công ty xuất phát điểm từ Hàn Quốc nên việc hội nhập vào thị trường để được lòng tin của khách hàng tại thị trường Việt Nam cũng tương đối còn hạn chế. Và yếu tố quản trị chưa thực sự hiệu quả trong khâu chiến lược kinh doanh làm cho doanh thu sụt giảm trong quá trình nghiên cứu.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã trình bày về tổng quan về Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam và sau đó là thực hiện nhận diện và phân tích thực trạng quản trị rủi ro tài chính tại Công ty thông qua phân tích dựa trên báo cáo tài chính giai đoạn 2021 đến năm 2023 và khảo sát nhân viên, cán bộ quản lý tại Posco E&C Việt Nam, thời gian khảo sát là từ ngày 15 tháng 07 năm 2024 đến 15 tháng 08 năm 2024. Qua các công tác trên cũng đã cho ra kết quả rủi ro mà doanh nghiệp đang gặp phải. Từ đó sẽ dựa trên các rủi ro đã xác định và đưa ra giải pháp ở chương 3.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY POSCO E&C VIỆT NAM

3.1 Các chiến lược phát triển của Posoco E&C Việt Nam

3.1.1 Định hướng và kế hoạch phát triển Công ty Posco E&C Việt Nam giai đoạn tiếp theo

- Tiếp tục quá trình hội nhập và xây dựng thương hiệu của Công ty tại Việt Nam và thị trường toàn thế giới.
- Tập trung vào phát triển mẫu mã chất lượng sản phẩm về lĩnh vực thép.
- Cải tiến quy trình sản xuất và các công nghệ đang được áp dụng tại Công ty.
- Mở rộng mô hình kinh doanh về bất động sản nhà ở dân cư đầu tư vào các dự án khu dân cư.
- Không ngừng nâng cao phẩm chất giá trị mà doanh nghiệp đang tạo dựng mang lại cho khách hàng.
- Nâng cao khả năng quản trị từ công nghệ cho đến con người theo chuẩn mực hiện đại, xây dựng lại hệ thống quản trị rủi ro chặt chẽ hơn, cải tiến cập nhật chiến lược kinh doanh theo thị trường nhằm đảm bảo được tính chủ động và khản định thương hiệu tại thị trường.
- Thường xuyên tổ chức đào tạo nguồn nhân lực về kỹ năng làm việc và chuyên môn, và nét văn hóa Công ty nhằm dễ nhận dạng về văn hóa Công ty.
- Lập kế hoạch dài hạn cho việc kinh doanh cũng như tình hình tài chính cho dài hạn.

3.1.2 Đánh giá SWOT về Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam

Dựa trên tình hình hiện tại của Công ty các thuận lợi và khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong suốt thời gian vừa qua thì dưới đây là một mô hình SWOT được thực hiện bởi tác giả:

Bảng 3-1: Mô hình Swot của Công ty Posco E&C Việt Nam

Điểm mạnh	Điểm yếu
<ul style="list-style-type: none"> – S1: Hậu thuẫn từ phía Công ty mẹ ở Hàn Quốc – S2: Thương hiệu tập đoàn Posco – S3: Nguồn nhân lực 	<ul style="list-style-type: none"> – W1: Thanh khoản – W2: Nợ vay – W3: Khoản phải thu khách hàng
Cơ hội	Thách thức
<ul style="list-style-type: none"> – O1: Thị trường tiềm năng – O2: Hội nhập kinh tế thế giới 	<ul style="list-style-type: none"> – T1: Môi trường cạnh tranh lớn – T2: Công nghệ đổi mới – T3: Tài chính

S1: Là công ty con của Tập đoàn Posco tại Hàn Quốc nên được hậu thuẫn từ vốn và nguồn nhân lực, ngoài ra còn hỗ trợ tìm kiếm khách hàng cho đầu ra sản phẩm.

S2: Một tập đoàn lớn tại Hàn Quốc đa lĩnh vực, nên sẽ có uy tín trong công việc.

S3: Nguồn nhân lực đội ngũ quản lý chất lượng đến từ đa quốc gia và số lượng đông.

W1: Khả năng thanh toán đi đến hạn các khoản vay thấp, đang đối mặt với nguy cơ phá sản.

W2: Nợ vay cao chiếm hơn 60% trên TTS cũng như nguồn vốn.

W3: Các khoản phải thu chiếm tỷ trọng cao, công ty đang gặp khó khăn về thu hồi nợ và làm gia tăng chi phí tài chính.

O1: Thị trường tiềm năng tại Việt Nam về nhu cầu xây dựng nhà ở, và GDP Việt Nam ngày càng gia tăng, Việt Nam đang hội nhập kinh tế quốc tế nên các công trình đầu tư công đang sắp được triển khai và thực hiện nhằm đạt chuẩn cơ sở hạ tầng.

O2: Hội nhập kinh tế thế giới nhờ vào thương hiệu đã có từ lâu đời của Posco và tình hình kinh tế chính trị trên thế giới nên gia tăng cơ hội cho Công ty.

T1: môi trường cạnh tranh trên thị trường có rất nhiều DN hoạt động kinh doanh về ngành thép nên việc cạnh tranh về giá và thương hiệu Posco E&C VN là một thách thức lớn.

T2: Thời đại ngày công nghệ càng tiên đề sử dụng được thì phải có nguồn tài chính mạnh và nguồn nhân lực có đủ khả năng và hiểu biết để sử dụng cho sản xuất và quản trị cũng đang là thách thức với công ty.

T3: Thách thức tài chính công ty trong việc xây dựng và tái cơ cấu các khoản nợ trong thời gian tới nhằm giảm thiểu rủi ro cho công ty.

3.2 Giải pháp phòng ngừa rủi ro tài chính tại Công ty Posco E&C Việt Nam

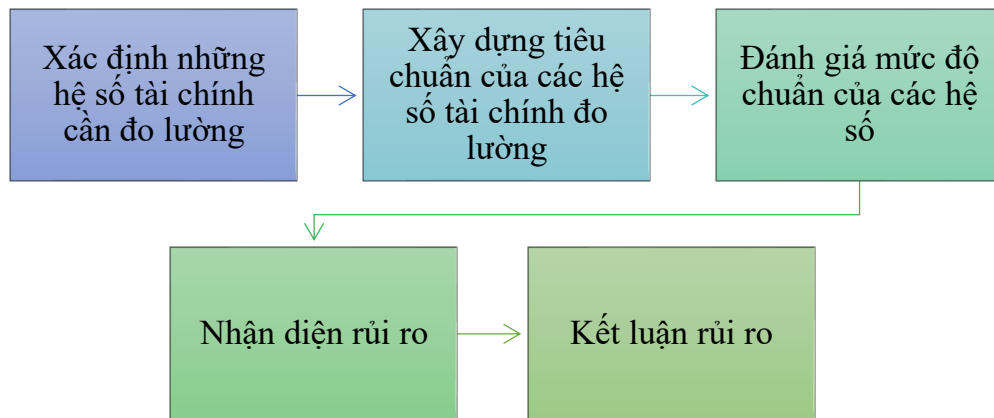
3.2.1 Hoàn thiện nhận diện và dự báo rủi ro tài chính tại Công ty

Hiện tại, Công ty đang chủ động nhận diện rủi ro tài chính thông qua phân tích báo cáo tài chính, từ đó giúp phát hiện những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra trong tương lai. Công ty cũng có thể áp dụng các phương pháp định lượng để nâng cao khả năng nhận diện rủi ro. Một trong những công cụ định lượng có thể xem xét là sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin. Ví dụ, để dự đoán rủi ro tỷ giá, công ty có thể áp dụng mô hình STL (Seasonal and Trend decomposition using Loess), một phương pháp phân tích chuỗi thời gian linh hoạt và mạnh mẽ. Mô hình này giúp dự báo biến động tỷ giá, từ đó hỗ trợ công ty trong việc quản lý rủi ro liên quan đến ngoại tệ.

Hiện tại công ty đang sử dụng nợ trong cấu trúc vốn điều này công ty đang đối mặt với rủi ro tài chính, bao gồm việc gia tăng phân tán lợi nhuận và khả năng thực hiện các cam kết thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn. Cả hai khía cạnh này của rủi ro tài chính có thể được đo lường qua các hệ số tài chính, như đã được lý luận và nghiên cứu trong các chương trước. Do đó, công ty cần chủ động trong việc nhận diện và dự báo rủi ro tài chính thông qua việc phân tích các hệ số tài chính và khảo sát ý kiến từ các bộ phận liên quan như tài chính, sản xuất và kế hoạch. Nên việc nhận diện này cần phải thực hiện chủ động tối đa trong công tác phân tích báo cáo tài chính về tình trạng nhận diện rủi ro.

Công ty cần thực hiện cải thiện phương pháp các chuẩn mực về các chỉ số để phân tích báo cáo tài chính và từ đó quản trị rủi ro chặt chẽ và hiệu quả hơn.

Quy trình nhận diện các rủi ro tài chính đề xuất mới như sau:



Sơ đồ 3-1: Quy trình nhận diện rủi ro tài chính

Bước 1: Dựa trên các chỉ số tài chính chuẩn mực và tình hình thực tế của công ty xác định những chỉ số có tính ảnh hưởng và quan trọng theo thứ tự từ nhiều đến ít cần phân tích đo lường: mức độ tác động nợ đến lợi nhuận của công ty, khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán tổng quát, các chỉ tiêu ROA, ROE, ROS...

Bước 2: Xây dựng tiêu chuẩn của các hệ số đã được chọn dựa trên các chỉ số ngành và tình hình hoạt động của công ty và mục tiêu tài chính và ngoài ra cũng phụ thuộc vào tầm nhìn và kinh nghiệm của nhà quản trị.

Bước 3: Thực hiện khảo sát thông qua cán bộ nhân viên về các chỉ số đã được xây dựng mức độ tiêu chuẩn dựa trên tình hình và mục tiêu của DN.

Bước 4: Từ đó phân tích và xác định các chỉ số có vượt mức chuẩn của các chỉ số đã được thông qua ở bước 3.

Bước 5: Thực hiện kết luận rủi ro và gợi ý các biện pháp nhằm kiểm soát các rủi ro được xác định ở bước 4.

3.2.2 Hoàn thiện mức độ đo lường

Hiện tại, công ty chủ yếu sử dụng phương pháp độ nhạy để đo lường rủi ro tài chính, mặc dù mức độ sử dụng chỉ ở mức hạn chế, và phương pháp độ lệch chuẩn cũng được áp dụng nhưng ở mức rất thấp. Do đó, việc áp dụng các phương pháp định lượng khác để đo lường rủi ro tài chính một cách chính xác và rõ ràng hơn là rất cần thiết cho công ty. Ví dụ:

Hệ số nguy cơ phá sản: Công ty có thể sử dụng hàm dự đoán nguy cơ phá sản của Altman cùng với hệ thống chấm điểm của S&P và Moody. Việc kết hợp này giúp đánh giá dấu hiệu bất ổn tài chính hàng năm của công ty và các doanh nghiệp khác,

từ đó thực hiện các điều chỉnh kịp thời. Tuy nhiên, việc này đòi hỏi phân tích kỹ lưỡng dựa trên số liệu tài chính sẵn có.

Giá trị rủi ro (Value At Risk - VaR): Đo lường rủi ro tài chính bằng phương pháp giá trị rủi ro có thể cung cấp cái nhìn sâu hơn về mức độ rủi ro tiềm ẩn.

3.2.3 Hoàn thiện kiểm soát rủi ro

Sử Dụng Các Công Cụ Tài Chính Phái Sinh:

Giao dịch kỳ hạn ngoại tệ: Công ty có thể giảm thiểu rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá bằng cách sử dụng các giao dịch kỳ hạn ngoại tệ do ngân hàng cung cấp.

Hợp đồng tương lai: Các sàn chứng khoán như VNDirect cung cấp hợp đồng tương lai, giúp đảm bảo mức giá ổn định cho các khoản đầu tư tài chính trong tương lai.

Hợp đồng quyền chọn: Nghiên cứu và áp dụng hợp đồng quyền chọn, hiện đang trở thành xu hướng tại các sàn giao dịch chứng khoán, giúp công ty quản lý tốt hơn biến động tỷ giá.

Kiểm Soát Rủi Ro Tín Dụng Thương Mại:

Kiểm tra thông tin khách hàng: Đảm bảo thông tin khách hàng chính xác và đáng tin cậy.

Quản lý sau bán hàng: Duy trì liên lạc thường xuyên với khách hàng và theo dõi hoạt động thanh toán của họ.

Quản lý nợ quá hạn: Theo dõi và xử lý các khoản nợ quá hạn để cải thiện khả năng thu hồi công nợ.

Kiểm Soát Rủi Ro Tài Chính Qua Hệ Thống Kiểm Soát Nội Bộ:

Chính sách và hướng dẫn: Đảm bảo có sự hỗ trợ từ các nhà lãnh đạo trong việc xây dựng và thực thi các chính sách kiểm soát nội bộ.

Nhận thức quản trị: Chủ doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro tài chính, đặt quản trị rủi ro lên hàng đầu trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

Quản Lý Dòng Tiền:

Theo dõi và cân đối dòng tiền: Doanh nghiệp cần đảm bảo dòng tiền để duy trì hoạt động, theo dõi và điều chỉnh nguồn tài trợ để huy động vốn khi cần thiết.

Quản lý tài sản: Giám sát biến động tài sản để có khả năng chuyển đổi tài sản thành tiền nhằm đáp ứng các nhu cầu tài chính trong quá trình hoạt động.

3.2.4 Một số giải pháp khác để nâng cao hiệu quả trong quản trị rủi ro tài chính

a) Thực hiện quy trình QTRR hiệu quả

Việc xác định các tiêu chí để đảm bảo sự an toàn của hệ thống tài chính trong doanh nghiệp rất quan trọng các tiêu chí như: vốn lưu chuyển, nhà tài trợ, dòng tiền, hệ số tài trợ và hệ số sinh lời, là vô cùng quan trọng. Nhà quản trị tài chính tại DN cần phải đảm bảo việc thực hiện đánh giá và giám sát các hoạt động tài chính được thực hiện liên tục và hiệu quả. Điều này bao gồm việc thiết lập hệ thống định mức, đơn giá, dự toán chi phí, mức dư nợ, và tỷ lệ tăng trưởng, phù hợp với các mức độ rủi ro tài chính chấp nhận được cho từng đơn vị, lĩnh vực, khu vực kinh doanh, và khoảng thời gian cụ thể trong năm. Các tiêu chí tài chính cơ bản nên được so sánh và theo dõi để đánh giá năng lực tài chính theo tình hình thực tế của đơn vị. Công ty cần thiết lập quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro tài chính rõ ràng, với sự tham gia của các bộ phận quản trị tài chính và các CBQL của từng phòng ban cho từng chỉ tiêu hoạt động, phân cấp cụ thể quyền ra quyết định tài chính và xác định trách nhiệm cụ thể của từng bộ phận trong quá trình quyết định tài chính. Doanh nghiệp cũng cần phát triển đội ngũ nhân viên quản lý rủi ro tài chính có kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng và có bề dày kinh nghiệm để đánh giá và quản lý rủi ro tài chính một cách hiệu quả. Việc điều hòa và sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận từ kết quả hoạt động và xử lý nợ nội bộ cần được thực hiện một cách công bằng và hợp lý giữa các bên liên quan, tránh tình trạng phân biệt gây thiếu sót.

b) Nâng cao ý thức trình độ cán bộ nhân viên trong việc quản trị rủi ro tại doanh nghiệp

Giảm thiểu rủi ro từ ý thức của CBNV tại cơ quan rằng trách nhiệm QTRR không chỉ ở một cá nhân mà là của toàn tập thể. Có thể có sự khác biệt giữa các đối tượng về QTRR nhưng mỗi các nhân đều phải nhận thức được những rủi ro có thể gặp phải và ảnh hưởng đến DN nên cần phải nâng cao ý thức trong công tác này. Mỗi cá nhân sẽ có một trách nhiệm QTRR khác nhau nên cần phải trang bị kỹ năng phân tích và nhận định vấn đề. Doanh nghiệp phải thường xuyên tuyên truyền và hướng dẫn về QTRR cho toàn thể cán bộ nhân viên tại các bộ phận và phòng ban và đồng thời thường hướng dẫn và đào tạo về các rủi ro liên quan đến tài chính nhằm đồng bộ một hệ thống công ty có hiểu biết về QTRR tài chính để dễ dàng trong công tác nhận diện rủi ro của các phòng ban có trách nhiệm quản trị rủi ro tổng thể của DN.

Chẳng hạn như việc quản trị rủi ro từ khoản vay về nguy cơ ảnh hưởng từ thị trường ở gia đoạn nghiên cứu năm 2021-2023. Các cán bộ nhân viên ở thời điểm thực hiện khoản vay không dùng bất cứ một hợp đồng phái sinh nào nhằm đảm bảo tỷ giá và lãi suất nên dẫn đến tình trạng chi phí tài chính tăng mạnh khi thị trường biến động làm cho khoản lợi nhuận sau thuế bị ảnh hưởng giảm hiệu suất sinh lời của công ty.

c) Tái cấu trúc vốn

Công ty nên thực hiện tái cấu trúc vốn, tăng vốn chủ sở hữu và lên kế hoạch trả nợ khoản vay nhằm giảm bớt tỷ trọng vay trên tổng nguồn vốn để giảm thiểu các rủi ro khi thị trường biến động về lãi suất giá cả hàng hóa.

Theo BCTC ở thời điểm hiện tại tháng 8 năm 2024 thì công ty đang còn nợ khoản vay 21 triệu USD. Với tình hình lãi suất USD đang chênh lệch cao hơn với lãi suất VND hiện tại thì công ty nên cơ cấu lên kế hoạch trả nợ cho khoản vay bằng cách dựa trên doanh thu và chi phí hàng tháng được thực hiện bằng USD và VND của Công ty và tiền hiện có của Công ty và vay VND để lên kế hoạch trả nợ cụ thể và theo dõi một cách thường xuyên. Nhằm giảm tỷ trọng nợ vay nâng cao hiệu suất sinh lời của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương ba đã đưa ra những chiến lược để phát triển Công ty và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và khắc phục các RRTC mà Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam đang mắc phải.

KẾT LUẬN

Quản trị rủi ro tài chính là một yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo sự bền vững và phát triển lâu dài của doanh nghiệp. Để thực hiện hiệu quả quản trị rủi ro tài chính, doanh nghiệp cần thiết lập các tiêu chí rõ ràng cho việc đánh giá và giám sát các yếu tố tài chính quan trọng như vốn lưu chuyển, dòng tiền, hệ số tài trợ, và khả năng sinh lời. Việc xây dựng hệ thống định mức và dự toán chi phí phù hợp, cùng với quy chế quản lý tài chính minh bạch, là cần thiết để kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn và tối ưu hóa hiệu suất tài chính. Tuy nhiên ở thị trường Việt Nam hoạt động QTRRTC chưa thực sự được chú trọng được nhận thấy qua số lượng doanh nghiệp rút khỏi thị trường được trình bày ở chương 1.

Ngoài ra, sự tham gia của các bộ phận quản lý tài chính trong việc ra quyết định và phân cấp quyền hạn rõ ràng là điều kiện tiên quyết để đảm bảo quá trình ra quyết định tài chính được thực hiện một cách chính xác và hiệu quả. Đội ngũ nhân viên quản lý rủi ro tài chính cần được đào tạo và phát triển để có khả năng đánh giá và quản lý các rủi ro một cách chuyên nghiệp.

Cuối cùng, việc điều hòa vốn, phân phối kết quả hoạt động, và xử lý nợ nội bộ phải được thực hiện một cách công bằng và minh bạch giữa các bên liên quan. Đảm bảo những yếu tố này giúp doanh nghiệp không chỉ duy trì sự ổn định tài chính mà còn tối ưu hóa khả năng phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh đầy biến động.

Dựa trên cơ sở lý thuyết và phân tích thực tế từ Công ty Posco E&C Việt Nam thì đề tài đã thực hiện được những vấn đề như sau:

Thứ nhất, dựa trên các cơ sở lý thuyết về QTRRTC, đề tài cũng đã tiếp cận nhiều nguồn quản trị và quản điểm quản trị khác nhau và từ đó hình thành các vấn đề cần quản trị và quy trình quản trị phù hợp tại Công ty Posco E&C Việt Nam. QTRRTC được công ty tiến hành gồm bốn nội dung: Nhận diện rủi ro tài chính; đo lường rủi ro tài chính; kiểm soát rủi ro tài chính.

Thứ hai, trên các cơ sở lý luận đã được thực hiện áp dụng nhận diện thực trạng quản trị rủi ro tại Công ty Posco E&C Việt Nam. Thông qua dữ liệu sơ cấp là khảo sát 40 cán bộ nhân viên đang làm việc tại Công ty và dựa theo báo cáo tài chính trong

giai đoạn nghiên cứu 2021 đến năm 2023. Dựa trên phương pháp định lượng và phân tích báo cáo tài chính và cho ra các rủi ro tài chính đang hiện hữu tại Công ty là:

- Rủi ro về thị trường lãi suất, tỷ giá, giá nguyên liệu đầu vào: Có 36 CBNV được khảo sát cho rằng công ty đang gặp phải vấn đề này.
- Rủi ro về tín dụng thương mại: Có 28 CBNV cho rằng công ty đang gặp rủi ro về tín dụng thương mại.
- Rủi ro về thanh khoản: Có 36 CBNV được khảo sát cho rằng công ty đang gặp phải vấn đề này.
- Rủi ro về đoàn bẫy tài chính: Có 36 CBNV được khảo sát cho rằng công ty đang gặp phải vấn đề này.

Theo kết quả khảo sát và kết quả phân tích số liệu từ báo cáo tài chính được thực hiện ở chương 2 thì cả hai kết quả này khớp với nhau và đúng với tình trạng mà Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam đang gặp phải.

Thứ ba, từ các đánh giá và nghiên cứu về rủi ro mà công ty đang gặp phải thì đề tài cũng đã đưa ra bốn giải pháp đề tăng cường cho công tác quản trị rủi ro bao gồm cả phương pháp định lượng và phương pháp định tính.

Như vậy, đề tài cũng đã chỉ ra được các loại rủi ro dựa trên cơ sở lý thuyết đã xác định và đã đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tại DN. Vì đề tài có tính chất phức tạp và đòi hỏi nhiều kiến thức chuyên sâu nên trong quá trình thực hiện đề tài không tránh khỏi những sai sót về kiến thức chuyên môn. Vì vậy nên rất mong quý Giảng viên và quý đọc giả đóng góp thêm ý kiến và chia sẻ những kinh nghiệm thực tế về chuyên môn nhằm cải thiện khả năng phân tích và chuyên môn làm việc

PHỤ LỤC

PHIẾU KHẢO SÁT TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POSCO E&C VIỆT NAM

I. Công tác quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp:

1. *Anh/chị đã từng nghe đến hoạt động QTRR tài chính trong doanh nghiệp chưa?*
 - Thường xuyên
 - Đã từng
 - Chưa từng
2. *Mức độ quan tâm của ông/bà đối với quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp?*
 - Rất quan tâm
 - Quan tâm
 - Bình thường
 - Ít quan tâm
 - Không quan tâm
3. *Công ty có xây dựng quy định về quản trị rủi ro tài chính không?*
 - Có
 - Không
4. *Theo quy định của doanh nghiệp, bộ phận chịu trách nhiệm quản trị rủi ro tài chính của doanh nghiệp là?*
 - Ban điều hành tại công ty
 - Ban giám đốc công ty
 - Phòng Tài chính - kế toán
 - Ban kiểm soát
 - Bộ phận chuyên trách
 - Các đơn vị khác
5. *Công ty đã thực hiện những nội dung nào để quản trị rủi ro tài chính (có thể chọn nhiều đáp án):*
 - Nhận diện RRTC
 - Đo lường RRTC
 - Đánh giá RmRTC
 - Xử lý RRTC
 - Cả 4 nội dung trên
 - Ý kiến khác

II. Nhận diện rủi ro tài chính (Dành cho những doanh nghiệp có hoạt động này)

6. Ông/bà có nắm bắt được các thông tin về tình hình hoạt động của doanh nghiệp không?

- Thông tin về tình hình kinh doanh doanh nghiệp
- Thông tin về chiến lược sản xuất kinh doanh và mục tiêu phát triển của doanh nghiệp
- Thông tin về quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- Thông tin về khách hàng và nhà cung cấp của doanh nghiệp
- Tất cả các thông tin trên

7. Doanh nghiệp nơi anh/chị đang làm việc đã và hiện tại gặp phải những rủi ro tài chính nào (Có thể chọn nhiều đáp án)?

- Rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro biến động giá đầu vào, đầu ra)
- Rủi ro tín dụng thương mại
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro hoạt động
- Rủi ro về cấu trúc tài chính
- Tất cả các rủi ro trên
- Ý kiến khác

8. Doanh nghiệp anh/chị đang nhận diện rủi ro tài chính thông qua:

<i>Biện pháp</i>	<i>Mức độ thực hiện</i>			
	<i>Không sử dụng</i>	<i>Ít (1 lần/năm)</i>	<i>Trung bình (6 tháng/lần)</i>	<i>Thường xuyên</i>
Sử dụng ý kiến chuyên gia				
Phân tích tài chính doanh nghiệp định kỳ				
Xây dựng mô hình dự báo RRTC				
Ý kiến khác				

9. Các chỉ tiêu và số liệu tài chính mà doanh nghiệp anh/chị đang sử dụng để nhận diện rủi ro tài chính?

<i>Các chỉ tiêu, số liệu tài chính công ty sử dụng</i>	<i>Mức độ sử dụng</i>			
	<i>Không</i>	<i>Ít sử dụng</i>	<i>Trung bình (6 tháng/lần)</i>	<i>Cao (hàng ngày)</i>

Mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính				
Gia tăng các khoản phải thu khó khăn đòi nợ				
Khó khăn trong thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đáo hạn				
Khó khăn trong thanh toán nợ gốc đến hạn				
Các chỉ số thanh toán sụt giảm				
Hiệu quả hoạt động giảm				
Chỉ tiêu khác				

III. Đo lường và đánh giá rủi ro tài chính doanh nghiệp

10. Các phương pháp đo lường rủi ro tài chính mà doanh nghiệp anh/chị sử dụng:

Tiêu chí	Mức độ sử dụng			
	Không	Ít sử dụng	Trung bình (6 tháng/lần)	Cao (hàng ngày)
Tỷ lệ nợ quá hạn so với tổng nợ				
Tỷ lệ trích lập dự phòng				
Mức độ tác động của đòn bẩy tài chính DOL				
Phương pháp phân tích độ nhạy				
Phương pháp độ lệch chuẩn				
Phương pháp giá trị rủi ro				
Phương pháp nguy cơ phá sản				
Phương pháp khác				

IV. Kiểm soát rủi ro tài chính doanh nghiệp

11. Các biện pháp mà doanh nghiệp anh/chị sử dụng để kiểm soát rủi ro tài chính

<i>Tiêu chí</i>	<i>Mức độ sử dụng</i>			
	Không	<i>Ít sử dụng</i>	Trung bình (6 tháng/lần)	Cao (hàng ngày)
Tỷ lệ nợ quá hạn so với tổng nợ				
Tỷ lệ trích lập dự phòng				
Mức độ tác động của đòn bẩy tài chính DOL				
Pương pháp phân tích độ nhạy				

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Bảo Hiền (2016). Tăng cường quản trị rủi ro tài chính các doanh nghiệp ngành dược ở Việt Nam. Luận án tiến sĩ Học viện Tài chính.
2. Trịnh Thị Phan Lan (2016). Quản trị rủi ro tài chính trong các doanh nghiệp Việt Nam. NXB Thống kê.
3. Nguyễn Minh Kiều (2010). Tài chính doanh nghiệp căn bản. NXB Thống kê
4. Công ty TNHH Posco E&C Việt Nam Báo cáo tài chính 2021-2022-2023
5. Vũ Minh (2013), “Quản trị rủi ro tài chính trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay”, Tạp chí khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh Doanh
6. Nguyễn Thị Quy (2005 “Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp” NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
7. Nguyễn Văn Tiến, Phạm Hữu Hồng Thái (2014)“Giáo trình quản trị rủi ro tài chính”, NXB thống kê.
8. Nguyễn Hải Sản (2011). Giáo trình Quản trị doanh nghiệp. NXB Thống kê.
9. Merna, A. (2005). Project management is a capital investment process. Journal of Management in Engineering,

Một số website tham khảo:

1. Nguyễn Quang Cúc Hòa (2018). Một số vấn đề về quản trị rủi ro trong doanh nghiệp. Tạp chí tài chính online, truy cập tại <http://tapchitaichinh.vn/taichinh-kinh-doanh/nhan-dien-rui-ro-tai-chinh-va-giai-phap-on-dinh-an-ninhtai-chinh-doanh-nghiep-314696.html>
2. Nguyễn Thị Ngọc Loan (2018), Nhận diện rủi ro tài chính và giải pháp ổn định an ninh tài chính doanh nghiệp. <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinhkinh-doanh/nhan-dien-rui-ro-tai-chinh-va-giai-phap-on-dinh-an-ninhtai-chinh-doanh-nghiep-314696.html>
3. Quản trị rủi ro Công ty thiết bị điện Bình Dương 1 Quản trị RRTC của Cty thiết bị điện Bình Dương
4. Quản trị rủi ro tài chính Taca.com Rủi ro tài chính và quản trị rủi ro tài chính (taca.com.vn)

5. Investing.com Investing.com - Stock Market Quotes & Financial News
 6. Cổ phiếu 68, dữ liệu về Thép Nam Kim và Thép Thái Nguyên
cophieu68.vn/quote/financial_detail.php?id=nkg&type=year
 7. Định tính và định lượng NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH VÀ NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG (nhanhoc07.blogspot.com)
-